

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU.

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|-----------------------|
| — Hòa bình | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Sử liệu : Sử ta so với sử Tàu. Ứng-hòe | NGUYỄN VĂN TỔ |
| — Tư tưởng xã-hội học hiện đại :
Thuyết của Le Play. | A. A. dịch |
| — Nghĩ về kịch. | LÊ HUY VĂN |
| — Những vết thương tâm. | HOÀNG XUÂN HÂN |
| — Một truyện buồn của tuổi trẻ
thơ (Nguyên văn của Quốc Mộc
Điền Độc Bộ). | HOA TRUNG dịch |
| — Những bước đi ngang (truyện
dài) | ĐỖ ĐỨC THU |
| — Trích thuật sách báo. | TRỌNG ĐỨC |
| — Việc quốc tế — Trung - Âu và
Ukraine quan-hệ cho Đức như
thế nào ? | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Đời sống Đông - dương : Máy
điều nên biết về một bệnh sốt
nặng do chấy dận truyền ra. | Bác sĩ TRỊNH VĂN-TUẤT |
| — Tuần lễ giấy và tuần lễ kim
khí. | VŨ ĐÌNH HÒE |

NĂM THỨ BA: SỐ 60 — NGÀY 1er AVRIL 1944

BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 8 Avril 1944

- | | |
|---|---------------------|
| — Hãy tự giúp lấy mình | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Chính sách về tiền tệ và hối đoái | VŨ VĂN HIỀN |
| — Hiến pháp Trung Hoa | PHAN ANH |
| — Nghiên cứu về Nguyễn Du và Truyện Kiều. | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ XVII | NG. TRỌNG PHẤN dịch |
| — Mưa Huế. | MAI ANH |
| — Muốn được một bộ sử đúng mà đọc | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Dọc Đường (truyện ngắn). | NGỌC TỬ dịch |
| — Những bước đi ngang | ĐỖ ĐỨC THU |

Hộp thư'

Chung bạn đọc ở Phú Thọ. — Chúng tôi nhận được một tấm ngân phiếu số 128 ngày 29 Février 1944, không biết là của ai, vậy bạn nào đã gửi ngân phiếu đó và để giả tiền gì, xin cho được biết.

Ông Nguyễn văn Thục (Yên Bái). — Báo và thư gửi theo đúng địa chỉ của ông cho : phủ Yên Bình par gare Yên Bái, mà làm sao nhà giấy thép lại cứ quay giả lại (1 thư và một tờ báo trong 4 số gửi đi) đề chữ : Inconnu. Xin ông giả nhờ.

Ông Lê ích Giang (Hà Đông). — Xin cảm tạ thịnh tình của ông. Còn như việc mua báo, đã đăng rõ giá tiền trên bìa báo, ông cứ gửi ngân phiếu về.

Đã có bán

TRIẾT HỌC

ARISTOTE

của NGUYỄN ANH NGHĨA

Một trong những công trình vĩ đại nhất của tư tưởng nhân loại — Trải hơn hai nghìn năm đã được coi như kinh thánh trong học đường và giáo đường.

Giá : 3\$80

Sắp có bán

TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của Nguyễn Hưng Phấn

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

29, Lamblot — Hanoi

Thanh-Nghi từng thư'

Xin chú ý. — Các bạn mua năm báo T. N. trong ba tháng Mars, Avril Mai 1944 sẽ được biếu một trong những cuốn sách sẽ xuất bản. — Xin nói thêm cho rõ nghĩa rằng quyền lợi trên dành riêng các bạn mới bắt đầu mua năm. Còn các bạn vẫn mua năm từ trước và cả về sau này sẽ được trừ 20% về giá tất cả các sách trong bộ T. N. từng thư.

HÒA-BÌNH

DO ĐỨC DUY

Chiến-tranh càng kéo dài, ngày kết liễu càng gần tới.

Từ đầu năm nay, người ta đã bắt đầu nói nhiều đến Hòa-bình, với những tâm lòng đầy hy-vọng và mong mỏi. Lẽ vì chiến-tranh đã lâu rồi, nhân loại đã mỏi mệt. Bao nhiêu lực lượng trên khắp thế giới, người vật và tiền của, tinh thần và vật chất, đã huy động đến triệt để: bao nhiêu lính hồn, sống trong lo âu sợ hãi, đã căng đến chỗ tột bực. Người ta chỉ còn chờ cái lúc được trùng lại để bình lĩnh nghỉ ngơi.

Nhưng, mong làm vậy, người ta vẫn không khỏi hoài nghi lo ngại. Người ta tự hỏi: — « Cuộc hòa bình ngày mai đây liệu có được lâu dài? Hay lại chỉ như sau trận đại chiến 1914-1918, vừa được hai mươi năm, một thời gian không đủ để hàn gắn lại những vết thương thảm hại của binh lửa ngày nay ».

.
. Quả đã phur lời thủ tướng Painlevé nước Pháp, trong một bài diễn văn đọc tại Grenoble ngày 21 Mai 1925 : — « Nếu tôi đi đến chỗ tận cùng tư tưởng của tôi, tôi sẽ nói mười năm tới phải hoặc tổ chức hòa bình, hoặc đưa các nước Âu châu tới bờ một cuộc chiến tranh tàn khốc hơn hết. Đó là một kỳ hạn mà phàm là một nhà chính trị không thể không nhìn tới được, trừ phi là một kẻ trọng tội ».

Vậy thời, chậm lắm là ngày nay, người ta đến lúc phải tổ chức lại hòa bình. Làm thế nào cho nó được vĩnh viễn, không thì ít ra cũng được lâu dài, nếu quả thực can qua là một định luật thiên nhiên như một số người tin vậy ?

Người ta cần phải chú ý rằng chiến tranh ngày nay không phải như xưa chỉ sát hại tới những cơ quan binh bị hoặc hành chính, mà còn tàn phá cả những lực lượng kinh tế tức là những lực lượng sinh tồn, căn bản của các dân tộc. Cho nên với một nhịp đều, hai mươi năm một lần chẳng hạn, chiến tranh có thể đưa nhân loại đến chỗ tự

sát. Như thế chiến tranh đã phải mang lại cho kẻ thắng trận những
mối lợi (chiếm cứ đất đai của kẻ bị thua, trừ bỏ một địch thủ cạnh
tranh trên trường kinh tế,...) có thể bù lại sự thiệt hại mà họ đã chịu.

Vì vậy mà có lẽ người ta cần có một quan niệm mới về sự thắng
trận. Có lẽ người ta chỉ nên nghĩ đến một việc khẩn thiết, đáng đề
lên trên tất cả mọi mối lợi riêng và nhỏ khác, là trừ tiệt ngôi chiến
tranh

Đi xa hơn nữa, có lẽ đến lúc người ta phải nhận ra rằng cái tổ
chức của thế giới trước đây đã đặt trên những căn bản không được
vững vàng, Cần phải có một sự kiểm duyệt lại toàn thể, có một sự tu
chỉnh cấp bách để cứu loài người ra ngoài vòng tai ương . . .

.
.

Nói tóm lại, một nền Hòa Bình trường cửu hay vĩnh viễn chúng
cho cả thế giới có lẽ chỉ có thể xây dựng trên những nền móng công
bình, và do sự cộng tác, dù không được thân thiện thì cũng phải hợp
lý, vì ít ra là tất cả những nước hay những dân tộc đã có một tinh
thần đoàn kết vững vàng đã có một tổ chức kinh tế, xã hội và chính
trị căn bản, do lịch sử của họ xác nhận và bảo đảm.

Đỗ Đức Dục

THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các
người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hòa bình, đừng
để trông nước rơi ren. Chính phủ phải được nhân dân
trọng vọng mà tuân theo.

SU' TA SO VỚI SU' TÀU

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TÔ

Có người kêu rằng 20 năm nay không thấy ai làm được quyển Nam sử nào đầy bằng quyển *Việt Nam sử-lược* của ông Trần trọng Kim, hay quyển *Histoire moderne du pays d'Annam* của ông Charles B. Maybon.

Tôi tưởng cái đó không lấy gì làm lạ, vì rằng làm một quyển sử Nam mà chép được những việc xưa nay chưa ai chép đến, thì phải tìm tài khó nhọc, góp nhặt, so sánh mà sách chữ Hán, thì lại chép tản mát ra nhiều chỗ.

Sử-học cũng như khoa-học, không chủ ý làm sách cho đầy, chỉ cốt tìm được nhiều điều mới, xưa nay chưa ai nói đến, hoặc chữa những chữ của người trước chép sai. Nếu kẻ cừu dậu ra đây, thì tự khắc có người hội ý lại, đề dọn thành sách phổ-thông. Lúc bấy giờ mới làm sách đầy, mới gọi là tổng-hợp, trước kia còn là phân-tích.

Sử ta đã đến thời kỳ tổng hợp chưa?

Kể đại-cương về các đời vua, thì những quyển sử Nam xuất bản từ trước đến giờ, cũng có thể gọi là tạm đủ. Nhưng xét đến sự sinh hoạt của dân chúng, việc tuyển lính, cách thi học-trò, sự giao thiệp với các nước láng giềng, v. v... thì hãy còn thiếu nhiều lắm. Phải tìm lại thì may mới thấy, mà sử liệu không những ở văn thư, còn ở các đồ đồ tích nữa.

Tôi vẫn nói với các bạn đồng-chí rằng: nếu có nhiều người chịu khó góp sức nhau lại, dịch những bộ sử chữ nho cho thật đủ, và nhân đấy khảo-cứu thêm vào, mỗi người chuyên-trị một khoa hoặc một thời, thì may ra mới chóng tới ngày tổng hợp.

Còn một việc nữa, làm ngay được, mà chưa ai đề ý là đem sử chữ Hán của ta, ra đối chiếu với sử tàu Tô; định lấy những đoạn chưa ai chép ra quốc ngữ, so-sánh xem hai đằng khác nhau thế nào: việc ấy rất dễ nhưng công việc khó, công cũng lên lắm, thì mới mong sau này bỏ cứu dần dần để giúp vào việc tổng-hợp.

Tên hiệu nước Nam

1.— Giao-chi

Bất cứ là chính-sử hay dã-sử, thực-lục hay truyền-ký, dù có quyển nào chép tên nước ta được đủ hết, cả đến những sách quốc-ngữ cũng thế. Nay đem sách tàu và sách ta ra tìm xem có những tên gì.

Trước tiên có tên Giao-chi.

Xưa nay các nhà làm sách thường nói hai chữ Giao-chi là tên gọi nước ta, nghĩa từng chỗ là hai ngón chân cái giao với nhau; nhưng bác sĩ P. Huard và A. Bigot (tác giả bài *Les Giao-chi, ou hallux varus des Annamites* đăng ở *Bulletin de la Société médico-*

chirurgicale de l'Indochine, quyển XV, số 5, tháng Mai 1937, trang 480-506; xem cả bài *Les Giao-chi* của bác sĩ P. Huard và Đỗ xuân Hợp trong tạp-chí *Indochine*, số 181, ngày 17 février 1944, trang 28-29) cho là một cái tật, mà cái tật ấy, không riêng gì cho người Giao-chi, nhiều dân khác ở Á-đông cũng có.

Bộ *Từ-nguyên* (quyển 11, trang 141) chép rằng: Theo nghĩa cũ bảo hai ngón chân cái giao nhau là giao-chi; nhưng xét đời cổ bên Hi-lạp, có tiếng đối-trụ, có tiếng lân-trụ để gọi loài người trên thế-giới (đối-trụ là phía nam phía bắc đối nhau, lân-trụ là phía đông phía tây liền nhau); sở dĩ có tên Giao-chi là hợp vào nghĩa đối-trụ, vì dân tộc phương bắc gọi dân tộc phương nam cũng như một chân phía bắc một chân phía nam đối nhau, không phải thực là chân người giao nhau.

Chữ Giao-chi chép ở sử Tàu trước nhất vào đời Thần-nông (3217-3077 trước T. C.)

Quyển *Thiếu vi thông giám* (ngũ đế ngoại kỷ, tờ 25a) viết chữ chỉ bộ «phụ» bên. Cũng một quyển sử Tàu nữa là quyển *Ngự phê thông giám thọ, tâm*, quyển 1, tờ 11b) chép chữ Giao-chi vào đời Chuyên-húc (2513 trước T.-C.) thì lại viết chữ chỉ bộ «túc» bên. *Sử-ký* (quyển 4, tờ 1b) của Tư mã Thiên cũng chép chữ Giao-chi về đời Chuyên-húc, mà lại viết chữ chỉ bộ «phụ» bên. Xem như thế thì viết chữ «chi» nào cũng được.

Xưa nay người ta vẫn tưởng rằng chữ Giao-chi chép trước tiên ở *Kinh Thư* (thuộc về đời vua Nghiên, 2357 trước T.-C.), nhưng chính ra trước đời vua Nghiên độ 200 năm đã thấy chép trong sử Tàu. Bộ *Lịch đại thông giám* (quyển 1, tờ 11b) chép rằng: «Vua Chuyên-húc (2513-2435 trước T.-C.) đặt (trong nước Tàu bấy giờ) làm chín châu (Duyên, Ký, Thanh, Từ, Dự, Kinh, Lương, Ung, Lương), thống lĩnh muôn nước, phía bắc đến U-lăng, phía nam đến Giao-chi, tức Nam-giao, phía tây đến Lưu-xa, phía đông đến Bàn-mộc». Quyển *Thông giám* này của triều đình nhà Thanh làm lại, sợ không được chắc chắn.

Cho nên tôi lại mở quyển *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên, là quyển sử tàu có giá trị nhất xưa nay, thì thấy chép về đời Chuyên-Húc nước Tàu cũng giáp với Giao-chi, nhưng lại chưa là Giao-châu, chứ không chưa là Nam-giao, như quyển *Thông giám*.

Quyển *Thiếu vi thông giám* (ngoại-kỷ, tờ 25a), chép đời vua Thần-nông (3197-3057, trước T.-C.) đã có chữ Giao-chi: «Nam chi Giao-chi» (phía nam đến Giao-chi), dưới chữ một đoạn chữ con rằng: «Giao-chi là tên nước nay là nước An-nam, Sách *Thông điển* của Bồ-Hỷ

chép rằng : người rợ phương Nam (đấy là lời người Tàu), ngón chân cái mở rộng ; nếu hai chân cùng đứng, thì hai ngón chân cái giao nhau ; cho nên gọi tên là Giao-chỉ ».

Cứ như thế thì hai chữ Giao-chỉ đã có ngay từ đời Thần nông, so với chữ Giao-chỉ đời Chuyên-Húc cách nhau đến 600 năm. Quyền *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên sớ dĩ không có đoạn này là vì không chép lên đến đời Thần nông.

Sử ta, như bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (tiền biên, quyển 1, tờ 1a, 3a và 4b), chép rằng : « Vua Hùng vương (chính là Lạc vương) đặt tên nước là Văn lang, đóng đô ở Phong châu, chia nước làm 15 bộ, là bộ Giao-chỉ, bộ Việt-thường » v. v. Thế là Giao-chỉ về đời Hùng bằng chỉ là tên một bộ trong nước (xem trong Địa chí của Nguyễn Trãi thì bộ Giao-chỉ là Hà-nội, Nam-dịnh và Hưng-yên ngày nay) ; nhưng người Tàu lúc bấy giờ vẫn gọi nước ta là Giao-chỉ, một là theo đời trước, hai là Giao-chỉ là thủ đô, nên gọi tắt như thế, ba là nhân hình dạng ngón chân, vì có lẽ bấy giờ còn đi đất hoặc đi dế, chưa có giày người đi giày, nên số đông vẫn còn hai ngón chân cái giao nhau ; bốn là có lẽ sử chép nhầm tên Văn-lang (dễ sau này sẽ nói).

Năm 111 trước T.-C., nhà Hán đã dẹp được họ Triệu, lấy đất Nam-Việt đặt làm chín quận ; Nam-hải, Thương-ngô, Uất-lâm, Hợp-phố, Giao-chỉ, Cửu-chân, Nhật-nam, Châu-nhai, Đam-nhĩ. « mỗi quận đặt chức thái-thủ để cai-trị, đều liệt vào bộ Giao-chỉ : cái tên gọi là bộ Giao-chỉ bắt đầu từ đây ». Quyền *Khâm định Việt sử* (tiền biên, quyển 2, tờ 3 b) của ta chép như thế ; nay đem so sánh với sách Tàu xem sao.

Hán thư (quyển 6 tờ 4 a), *Tiền-Hàn kỷ* (quyển 14, tờ 2 a), *Thiếu-vi thông-giám* (quyển 5, tờ 24 b) và *Khâm định thông-giám tập-lãm* (quyển 16, tờ 8 b) chép tháng 10 năm Nguyên-dinh thứ 6 (111 trước T.-C.) đời Hán Vũ-đế, lấy được đất Nam-Việt, chia làm chín quận, không thấy chỗ nào chép rõ là « bộ Giao-chỉ », chỉ chép « quận Gia-chỉ », tức là một quận trong chín quận của đời Hán đặt ra.

Quyển *Nguyễn-hòa quận-huyện chí* (quyển 38, tờ 2a) và quyển *Thái-bình hoán-vũ kỷ* (quyển 170, tờ 1 a) chép « nam Nguyên-phong thứ năm (107 trước T.-C.) mới đặt chức thứ-sử để coi một bộ... Nhà Hán vẫn định đặt Giao-chỉ thứ-sử, không gọi là châu, để khác với 12 châu bên Tàu ». Thế là *Khâm định Việt sử* của ta đã vội chép « bộ Giao-chỉ » từ năm 111 trước T.-C. ; năm ấy có lẽ có quyền sử Tàu nào chép cả ; mãi đến năm 107 trước T.-C. mới chép là « bộ Giao-chỉ ».

Vả lại, xem trong quyển sử Tàu, như *Ngư-chế thông-giám tập-lãm* (quyển 16, tờ 17 a), *Thiếu-vi thông-giám* (quyển 5, tờ 29 a), thì đến năm 107 trước T.-C. Hán Vũ-đế mới đặt chức thứ-sử, thế mà *Khâm định Việt sử* (tiền biên, quyển 2, tờ 6 b) chép ngay : « Năm Nguyên-

phong thứ nhất (110 trước T.-C.) nhà Hán cho Thạch-Đái làm thứ sử bộ Giao-chỉ ».

Đại-Việt sử-ký (tiền-biên, quyển 3, tờ 1 a) cũng chép nhà Hán cho Thạch-Đái làm thứ-sử. Còn *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại-kỷ, quyển 3, tờ 1 a) thì chép : « Năm Nguyên-phong thứ nhất (110 trước T.-C.) nước Việt ta đã thuộc về nhà Hán, nhà Hán cho Thạch-Đái làm thái-thủ chín quận ».

So với sử Tàu, thì *Ngư-chế thông-giám*, *Thiếu-vi thông-giám*, *Hán-thư*, *Tiền-Hàn kỷ*, đều không thấy chép Thạch-Đái sang làm « thứ-sử Giao-chỉ » hay làm « thái-thủ chín quận ». Chỉ có quyển *Việt-sử lược* là một quyển trong bộ *Tứ-khố toàn-thư* của Tàu, có chép vào mục « Lịch đại thủ nhiệm » (các quan thủ nhiệm các đời) (quyển 1, tờ 3 a) rằng : « Thạch-Đái là người đời Hán Vũ-đế ». Nhưng xét kỹ ra, thì quyển *Việt-sử lược* là của người Nam ta soạn ra, và cũng không chép rõ Thạch-Đái làm chức gì.

Đến năm 203 sau T.-C., nhà Hán đổi Giao-chỉ làm Giao-châu (*Khâm định Việt sử*, tiền-biên, quyển 2, tờ 17 b).

Nhưng khi Đinh Tiên-hoàng (968-979) đã mở bờ chính-thống, gây nên độc-lập, lên ngôi hoàng-đế, đặt tên nước là Đại-cồ-Việt, nhà Tống vẫn phong cho Tiên-hoàng là « Giao-chỉ quận-vương » « *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, bản kỷ, quyển 1, tờ 4 a » !

Đời Tiền-Lê (980-1009) là thời-kỳ nước ta đã vững nền độc-lập, nhà Tống cũng vẫn phong cho vua ta là « Giao-chỉ quận-vương » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, bản kỷ, 9-1, tờ 20 b) ! Cứ như thế mãi cho đến tận đời vua Lý Anh-tông (1138-1175) !

Bắt đầu năm 1464, mới bỏ hẳn chữ Giao-chỉ trong các giấy má việc quận (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, bản-kỷ, quyển 4, tờ 14 a)

Năm 1400, cha con Hồ-quí-Ly cướp ngôi nhà Trần, đổi tên nước là Đại-Ngu, nhưng đến năm 1407 bị người Minh bắt đem sang Tàu, người Tàu lại gọi nước ta là Giao-chỉ đặt ba ti (Giao-chỉ bố-chánh án-sát ti), chia làm phủ, huyện, đặt quan-lại để cai-trị. *Minh-sử* (quyển 6, tờ 3 a) chép : « Ngày giáp-ti, tháng 5, năm Vĩnh-lạc thứ 5, (1407) Trương-Phụ bắt sống Lê-quí-Li (tức Hồ-quí-Li) và Lê-Xương đem về kinh-sư. . . Tháng 6, ngày quý-mùi, An nam dẹp yên, ban chiếu thiên-hạ, đặt làm Giao-chỉ bố-chánh ti ».

Năm 1418, Lê-Lợi khởi binh, đánh quân Minh, ròng-rã mười năm, đến năm 1427 quân Minh xin hòa. Sang năm sau, vua Lê Thái-tổ chính-thức lên ngôi hoàng-đế ở Đông-dô, gọi tên nước là Đại-Việt.

Thế là trong khoảng 264 năm (từ năm 1164) nước ta đã thoát vòng « Giao-chỉ quận-huyện », đến năm 1407 lại bị nội-thuộc mất 20 năm, may có một bậc anh-hung cứu quốc nước ta mới không bị kiểm-chế mà lấy lại được quyền độc-lập.

(còn nữa)

ỨNG-HÒA NGUYỄN-VĂN-TỐ

THUYẾT CỦA LE PLAY

A. A. dịch

Le Play đáng liệt vào hàng cự-phách trong các xã-hội học gia. Ông đã cùng với độ tử sáng lập ra một phương pháp chân chính khoa-học để khảo-cứ và phân tích các hiện tượng xã-hội. Thuyết của họ đáng kể vào hạng có giá trị nhất, và họ đã quy định được nhiều khái lệ quan trọng về xã-hội-học. Trong những công phu ấy, Le Play và đệ tử đã tỏ ra có một ý niệm khoa-học sâu sắc, một đặc tài về cách phân tích và tổng hợp và thêm vào đó, một tư tưởng mới lạ. Bởi thế nên họ đã biết lập thành một học phái có nguyên tắc và phương pháp rất xác định.

1. — *Tiêu sử Le Play và lịch sử học phái của ông*

Pierre-Frédéric-Guillaume Le Play sinh ở Pháp ngày 11 tháng tư 1803, trong một làng ở vào khoảng giữa hải cảng Honfleur và rừng Brotonne. Có chức phận ở ngoại quốc, nên ông có dịp đi thăm, xét khắp các nước ở Âu-châu và một vài nước ở Á-châu. Năm 1855 ông cho xuất bản quyển sách có tiếng « *Les ouvriers européens* » là kết quả của 20 năm nghiên cứu khoa-học. Năm 1856 ông lập ra hội « *Société internationale pour les études pratiques d'économie sociale* », có nhiều chi nhánh ở các nước. Hội cho xuất bản rất nhiều cuốn chuyên lục (monographie) về gia đình hợp lại thành loại sách nhan đề « *Les ouvriers des deux Mondes* », Năm 1864 ông xuất bản bộ *La réforme sociale en France* (có 2 quyển) và năm 1870, bộ *L'organisation du Travail*. Năm 1867, ông được bầu làm Nguyên lão nghị viên. Năm 1872 ông lập ra hội « *L'Union pour la Paix sociale* » (liên hiệp để tới sự hòa-bình trong xã hội) để khảo cứu những vấn đề xã-hội theo phương pháp tự nhiên học. Năm 1881 ông bắt đầu cho ra tạp chí bán nguyệt, san *La réforme sociale* vừa có tính cách khoa học và thực thể.

Cũng năm ấy ông cho ra bộ *Constitution essentielle*. Đến năm 1882 thì ông mất. (1) Những điểm quan trọng của tính cách Le Play là: rất thành thực, rất quân tử, có tình thần tôn giáo, rất sâu xa và có trí não rèn đúc bởi sự kinh nghiệm và thực hành các khoa học tự nhiên. Những điểm quan trọng của hoàn cảnh ông là xuất thân ở gia đình thanh bích nơi thôn quê, chứng kiến cuộc Pháp-quốc Đại cách mạng, và những cuộc cách mạng 1830, 1848, 1870-1871; và được du lịch nhiều ở Âu châu và Á-châu. Những cuộc biến cải xã-hội theo sau những kết quả tàn khốc đã kích thích ông, chú ý khảo cứu hiện tượng xã hội và cố tìm một phương pháp khoa-học để nâng cao trình độ dân sinh. Vì bản chất ông trong sạch lại có tín ngưỡng nên ông theo đuổi cái sở nguyện ấy một cách chân thành sốt sắng. Tài của ông và trí của ông được rèn đúc trong lúc thực hành các khoa học tự nhiên đã khiến cho ông dễ tìm thấy và dễ thi hành những phương pháp khoa học trong khi khảo cứu hiện tượng xã-hội.

Công cuộc mà Le Play đã bắt tay vào làm, đưa lại cho ông nhiều độ tử và đồng chí. Sau khi ông mất, họ nối tiếp công việc của ông và đã thêm được nhiều điều tu chỉnh quan hệ cho phương pháp và học thuyết của ông. Trong hàng đệ tử và đồng chí của ông, những tay cự phách nhất là Henri de Tourville (1843-1903), Edmond de Motins (1852-1907), Robert Pinot Paul de Rousiers, Vidal de la Blache (tuy rằng Vidal de la Blache

(1) Về tiêu sử của ông, xem Herbertson, Dorothy. « *Le Play and Social Science* », *The Sociological Review*, q. XII, tr. 36 s. 183 s.; q. XIII tr. 46 s.; De Curzon, Emm., *Frédéric le Play* Paris 1899; Demolins, E., « *nos deux premiers maîtres* », *Société Internationale de Science Sociale*; *L'Origine, le but et l'organisation de la Société* sách Tuyên Truyền Paris; nhiều tài liệu ở trong sách *Le Play* và của đệ tử của ông

thống phái ở trong học phái này và rất ít phẩm của ông rất có ảnh hưởng về phần địa dư của học thuyết phái Le Play) và nhiều người khác nữa. Họ lập ra hội « Société internationale de la science sociale » (Quốc-tế xã-hội học) và tạp-chí *La science sociale* (Xã-hội học). Tạp-chí khoa học có giá trị ấy đã đing nhiều bài khảo cứu và chuyên học quan trọng về xã-hội học. Về sau, một phần những bài ấy đã đợc xuất bản thành quyển. Trong những quyển ấy, quyển quan trọng nhất là: H. de Tourville, *l'Origine des grands peuples actuels*; E. De Molins: *Comment la route crée le type social*, 2 pho; A. quet-tient *la supériorité des Anglo-saxons, Les Français d'Aujourd'hui, L'Education nouvelle*; P. de Rousiers: *La vie américaine, La question ouvrière en Angleterre*; J. B. M. Vignes, *La science sociale d'après les principes de Le Play* 2 pho Paris 1897. Nguyên tắc và phương pháp của học phái đã được trình trong một quyển viết đề tuyên truyền quốc-tế xã hội học: *L'Origine, le but et l'organisation de la société*, Paris. Gần đây hội « anh quốc xã-hội học » đã bắt đầu khảo cứu và diễn giải nguyên tác của học phái Le Play. Vì thế nên hiện nay có một phong trào phục hưng của học thuyết ấy và có nhiều sách mới viết có một tính cách tương tự. Tuy rằng Le Play mất đã được nửa thế kỷ rồi mà ảnh hưởng học thuyết của ông không hề bị suy kém. Ảnh hưởng ấy hãy còn mạnh và có lẽ sẽ còn mạnh mãi. Nay ta hãy xét tính cách của học phái ấy.

2. — Phương pháp của học phái Le Play

Học phái Le Play đã hiến cho xã-hội những công này: 1-) Sáng kiến ra một phương pháp xác định để phân tích các hiện tượng xã-hội; 2-) thiết lập một học thuyết rõ ràng có giới hạn, và quy định ít nhiều khái lệ xã-hội học; 3-) trình bày nhiều phương châm thực tế để nâng cao trình độ dân sinh (xã hội học thực hành). Ta hãy xét những công trạng ấy.

Lúc bắt đầu nghiên cứu xã-hội học Le Play đã nhận thấy rằng sự trở ngại chính cho công cuộc khảo cứu hiện tượng xã-hội bằng một cách khoa học, là ở chỗ không có một phương pháp chân chính khoa học, để có thể phân tích những hiện tượng xã-hội. Trước thời đại Le Play, người ta đã

công nhận rằng khoa học xã-hội phải căn cứ vào sự quan sát và phân tích quy nạp các hiện tượng xã-hội. Nhưng người ta vẫn không biết chắc chắn phải quan sát thế nào và trong hàng hà sa số tài liệu không biết thứ nào là quan trọng hơn hết. Le Play biết rõ rằng muốn quan sát một cách khoa học hàng hà sa số hiện tượng xã-hội, học giả phải tìm lấy một địa-vị đơn giản (unité simple) và xác định cũng như là nguyên tử ở lý học và hóa học và tổ bào ở sinh vật học. Xét đơn vị ấy thì mới thấy bản chất của những hiện tượng phức tạp hơn. Vậy thì vấn đề thứ nhất cần phải giải quyết là tìm một đơn vị xã hội đơn giản và căn bản. Vấn đề thứ hai là phải tìm một phương pháp để định lượng (mesure quantitative), những phần hợp thành hay những nguyên tố của đơn vị kể trên. Với óc toán học, Le Play nhận thấy rằng không có lối đo định lượng thì sự khảo cứu phải viển vông và kết quả không có giá trị xác đáng. Vấn đề thứ nhất đã đợc giải quyết bằng cách lấy gia đình làm đơn vị xã-hội nguyên tố và căn bản (unité élémentaire et fondamentale). Vấn đề thứ hai đã giải quyết bằng cách lấy ngân sách gia đình làm biểu lượng của sinh hoạt gia đình và nhờ đó làm căn bản sự định lượng các hiện tượng xã-hội. Tại sao lấy gia đình làm đơn vị, và lấy ngân sách gia đình để đo lường? Có nhiều lẽ. Gia đình là thứ xã-hội đơn giản nhất và sơ sài nhất. Tuy hình thể có khác nhau, nhưng gia đình ở đâu và ở đời nào cũng có, vì gia đình cần cho đứa hài nhi lúc sơ sinh yếu đuối phải nương tựa vào gia đình. Nó là một cơ quan bảo toàn sinh kế cho phần tử của nó. Đó là hoàn cảnh đầu tiên trong xã-hội, nó bao vây, lôi kéo và giay đỡ đứa trẻ sơ sinh. Do nơi ấy mà chúng sẽ trở nên những phần tử của xã-hội. Tất cả những liên lạc xã-hội và chính trị đều có sẵn

(Xem tiếp trang 20)

Ô-TÔ NHÌ LẦU...

CÁI MỘNG ĐỒ SẼ, TUẦN L.

SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI

BỎ 1 \$ 00 MUA

VỀ SỞ SỐ ĐÔNG - PHÁP

NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

VIII

Những lúc lang thang, chân mỏi, người mệt, Khôi không hề tiếc cái xe đạp đem bán. Chẳng còn tìm lẽ tự an ủi: cái xe chỉ cần cho những người có công việc, cuộc sống hàng ngày phải tính theo mấy cái lăm trên mặt đồng hồ. Thời giờ lúc này chàng có thừa, tha hồ hoang phí, có khi còn mong cho nó chóng qua. Không có chỗ nào phải đến, cái xe là một vật thừa, nhiều khi còn làm bận người muốn tự do tản bộ, bước rất chậm để được đi lâu. Đến lúc phải tính lần đến cây bút máy, anh chàng thấy đau đớn như một người mẹ phải rời đứa con yêu.

Lần thứ ba, Khôi qua cửa hàng buôn đồ cũ. Bên trong quầy hàng, người đàn bà béo vẫn ngồi lìm dìm mắt. Khôi vuốt ve cái bút cặp ở túi trong, lan man nghĩ đến một đoạn văn đại ý là: trong thiên hạ không thiếu gì quý vật Khôi — nó không ở với mình, thì vào tay người khác. Có tiền thì sắm, lúc túng bán đi là những chuyện rất thường nhỏ nhất không đáng để bận tâm.

Khôi cố nhớ xem đã đọc ở đâu, người nào đã viết những câu ấy, vẫn chưa đủ can đảm rời cây bút máy, nó đi liền với cái mộng văn chương. Có cây bút tốt, người ta tin sẽ viết được hay. Bán bút đi, còn có ý nghĩa là cắt đứt với hoài bão cũ. Khốn nỗi chàng không còn vật đáng tiền.

Qua cửa hàng lần thứ tư. Khôi chặc lưỡi, bước vào. Mắt người đàn bà mở to, sáng lên, trên mặt hiện ngay ra vẻ tiền nong, mua bán. Khôi rút cây bút khỏi túi, nói mau và nhỏ:

— Tôi muốn bán cái bút này.

Người đàn bà đỡ lấy cây bút, nhìn chàng, con mắt như muốn đánh giá người hơn là vật cầm tay. Khôi cảm thấy cái nhọc, họ cho chàng là một quán gian. Chừng không quen với món hàng, người đàn bà cất tiếng gọi:

— Cậu ra mà mua hàng.

Một người đàn ông lép kẹp đi ra, thêm hai con mắt nữa đánh giá anh chàng bán bút.

— Ông muốn bán cái bút máy này, cậu xem có mua được không?

Cái bút chực tay, Khôi muốn bước ngay ra phố, hai chân như đứng phải dầm kiến lửa. Chàng nhìn người đàn ông đang cố đọc mấy chữ ngoại quốc trên thân cây bút. Rồi họ xem kỹ từng bộ phận, thử ngòi lên trên một mảnh giấy. Cái vật quý báu của Khôi như đang ở trong tay một đứa thất phu.

— Cậu xem có tốt không? Bút nhà ta cũng còn nhiều lắm.

Khôi hiểu ngay cái lối chèn bai dìm giá của bọn con buôn, nhất là bọn buôn đồ cũ. Không để ý đến lời vợ, người đàn ông hỏi chàng:

— Ông định bán bao nhiêu?

— Nam mười đồng.

Khôi nói một nửa giá tiền chàng mua khi trước. Bây giờ, giá đồ đã cao thêm, cái bút đã thành của hiếm. Người đàn bà nhăn nhó nhìn người khách đã đòi những năm mươi đồng một cây bút cũ, cố vẽ ngạc nhiên dựa từ Khôi đến chồng. Người đàn ông hỏi Khôi:

— Trước ông mua cái bút này ở đâu?

Không muốn trả lời câu hỏi lục vấn, thêm vẻ nghi ngờ đến hạnh kiểm người làm cảnh cần tiền, Khôi đương sống:

— Tôi mua đã lâu, không nhớ.

— Cái bút của ông tốt thật, chúng tôi cũng là người biết của. Nhưng giá ấy thì chúng tôi không mua đến, nhà tôi cũng còn nhiều bút lắm.

Người đàn ông chỉ vào cái tủ hàng: « Ông xem bày kia. Bây giờ chỉ mười lăm đồng một chiếc bút mới, dùng được, và kiểu cũng gần giống thứ này, chỗ gái cũng theo hình mũi tên. Vậy nên ít người chịu mua bút cũ đắt tiền ».

Trong tủ bày một hàng bút máy màu sắc kèch cỡm. Trông qua cũng biết ngay là thứ rẻ tiền, nhưng cửa bán rong trong các gánh hàng tạp hóa. Bút của chàng, cái bút đáng lẽ tạo nên tác phẩm bất hủ rồi có người bỏ ra hàng nghìn, hàng vạn mà chuốc lấy. Ờ phải đem bày vào đấy, chung số phận với những chiếc kia. Khôi

đón cây bút rửa người đàn ông đưa trả, loan cái vào túi, quay ra, thì nghe thấy tiếng :

— Bà ba chặc chặc, nếu ông lắng lòng để thì chúng tôi xin lấy.

Khởi đặt cây bút lên mặt quầy, gạt dần. Người đàn ông bảo vơ :

— Mợ đưa ông ba chặc.

Người đàn bà ra ý tần ngần, bầy bên cạnh cây bút mấy tờ giấy bạc. Khởi vơ ấn vào túi, vội vã gạt dần chào rồi quay ra, không kịp nghe người đàn ông trả lời một câu cần nhẫn của vợ :

— Trá cả ngay năm mươi đồng cũng còn rẻ lắm. Cái bút này đáng giá ba trăm, tôi tìm mua đã lâu mà không thấy. Quý lắm.

Sau mỗi cơn khủng hoảng, khi lực lại suy kém, rồi mới lo nghĩ khác tiếp đến. Trong túi đã có tiền, Khởi cũng không muốn ăn uống gì. Dạ dày đã quen đói khát, không thôi thúc như hồi mới nhện. Bây giờ chỉ còn cái cảm giác tê tê, mỗi một, thỉnh thoảng ợ ít nước chua. Có ăn gì cũng không thấy ngon lành, còn tăng thêm cái nặng nề trong bụng. Muốn ăn ngon, con người cần khỏe mạnh, mà toàn thân Khởi đã là một bộ máy sặc sệch như chỉ đợi lúc ngừng.

Anh chàng không còn sức tha đổi giấy rách đi các phố. Bây giờ chàng chỉ muốn ngồi đề văn và những ý nghĩ tối đen. Khởi reo mình xuống chiếc ghế công viên, tay thò vào túi vẫn mân mê mấy tờ giấy bạc. Câu chuyện tiền đã tạm giải quyết được trong ít ngày. Còn biết bao nhiêu chuyện khác !

Khởi càng cảm thấy lẻ loi trong cuộc sống dồn dập chung quanh. Chàng đã bị gạt ra ngoài, như một chiến sĩ bị thương. Người như chàng không còn ích gì cho ai có cũng chỉ như cái落叶 trên bề rộng.

Nhưng còn Minh, người đã mang thân thể gửi vào chàng ? Trong một lúc bần học, Khởi tưởng Minh cũng đang lảng xa dần: Minh vợ chàng, và Kiên, một người bạn thân, như đang cùng nhau mưu tính một việc gì. Hôm Kiên về mách Minh chuyện chàng mất việc, Khởi đã suy nghĩ rất nhiều về tình nghĩa bạn bè. Tại sao, một người như Kiên, lại có thể làm việc ấy ?

— Người làm mình bạn tâm nhiều, lại mình được xấu, có chăng chỉ là những người thân. Vợ, bạn, họ hàng. Gần nhau, họ hiểu được mình rõ hơn người hàng xóm. Cái lại ở ngay chỗ hiểu biết nhau, làm thấy rõ các nhược điểm. Có những trường hợp mà công việc đầu tiên của người đặc biệt, là phải trừ ngay đám bạn thân. Ở đời còn biết tin ai ?

Khởi ngừng suy nghĩ, nhìn một thanh niên tiến lại phía chàng. Mới nhác trông, Khởi đã biết ngay là người cùng trong một cảnh. Cũng cúi vò mặt hốc hác, bờ phờ, quần áo không còn một nếp lá, đôi giày bị lấm đã bước thành hình chữ bát. Anh chàng đến gần ghé ; khởi n, đã nhiên ngồi nhích lại một dần. Hắn reo mình xuống ghế như Kỉ ở, khi này, mặt có vẻ vui của người được nghỉ ngơi trong cơn mệt mỏi. Anh chàng vươn hai

tay ra phía sau lưng lúi lúi rúc rúc những khớp xương vai, rồi rút trong túi ra một tờ nhợt lảo. Khởi liếc sang, thấy hắn xem những lời rao vặt. Khởi cũng nhìn theo.

« Cần hai người thợ đúc, thợ gò lành nghề, đã có làm qua ở các nhà máy. Lương hậu. Hỏi tại... »

« Muốn bán một lớp nhà hai tầng... »

Khởi nhảy xuống mấy giếng dưới :

« Một xưởng gỗ cần nhiều thợ mộc, thợ xẻ... »

Người ta chỉ cần đến thợ, không ai cần chàng. Trong tay chàng không có một ngle gì giúp vào công cuộc kiến thiết đang dần dáp. Chàng chỉ có cái quần bút, và một, mớ học văn phổ thông, chưa đủ làm khi giới cho việc tiên thân, nhất lại gặp lúc lâm nghịch cảnh. Giá biết thêm một nghề gì; thì chàng đã dễ dàng qua được lúc này. Làm việc bằng chân tay còn cái hay giữ được sức khỏe cho thân thể, mà đề khởi óc tự do. Một người thợ thường chỉ cần sức tay chân, không bị hao tổn tinh thần như người ngồi bàn giấy. Nghĩ lại, chàng đã chịu ảnh hưởng của cả một thế hệ chỉ trọng có nghề cầm bút. Ông thân sinh ra chàng cũng đã phải sống rất vương vào lưng một người vợ dâm.

Anh chàng ngồi bên đặt tờ báo, chán nản như đã không tìm thấy cái hay. Khởi mượn, xem tiếp :

« Cần một chị hai trông mấy đứa trẻ... »

Hay Minh đi làm cái nghề này ? Tính nết thuần hòa của nàng rất thích hợp với việc trông nom con trẻ, Minh sẽ đi kiếm về nuôi chàng, như một người đàn bà thời xưa tần tảo cung dưỡng một đức ông chồng dài lưng tốn vải. Chàng lại ngồi viết sách. Hoặc không muốn ăn nhờ vợ thì chàng cũng sẽ kiếm một việc gì, chẳng hạn đi bồi, chonó tương đương với nghề của vợ. Ở cảnh biển, người ta phải tòng quyền. Khởi sợ nhớ đến một bài thơ cùng của Tú Xương, chưa chát phn cười.

« Muốn tìm một người trẻ tuổi đứng đắn, có bản g thành chung, để dạy hai đứa trẻ nhỏ. Cần phải đi xa Hà-Nội, về một đồn điền mận trung du. Chỗ ăn ở chu đáo, lại thêm tiền tiêu ngoài rất hậu. Hỏi... »

(Còn nữa).

Đỗ Đức Thu

CẢI CHÍNH

Trong bài trước (số 59), nhà in bỏ sót đoạn :

Minh đứng dậy theo khuôn khổ :

« Vâng, Anh xem có thể nào, cho tôi biết. Những như nhà tôi, thì tôi bị vùi ở chỗ nhà quê này, chẳng còn liếc cái gì cả ».

Trước câu « Được rồi, chị cứ yên tâm. (trang 20).

Và câu : trong cuộc xây dựng tương lai của bạn.

Tiếp câu : chàng thấy cái vui được dự một vài phần (trang 21).

NGHI VE KỊCH

————— LÊ HUY VĂN —————

Từ ba mươi năm nay, văn-chương Việt-Nam
liên lạc mật-thiết với văn
hóa một nước tiêu biểu cho một phần sáo lạn
nhất của văn-minh Âu Mỹ. Từ ba mươi năm nay,
nhất giới của chúng ta . . . quay về một phía :
. văn học Pháp
. Cho nên khi một vài nhà phê-bình đem
tên các văn-phái nước ngoài mà đặt cho mấy
nhóm nhà văn Việt-Nam thì cũng chẳng ai mỉm
cười. Công chuyện rõ ràng, dân đi quí đi mất bởi
vì chúng ta đã có tầng sơ-đoàn
. mà những nhà văn, nhà báo chuyên
viết tiếng Pháp cứ càng ngày càng nhiều.

Ảnh-hưởng thật hiển nhiên.
. Hai ba nhà văn với bốn năm cuốn sách
đề tiêu biểu cho một lý thuyết đã từng làm sôi
nổi làng văn Pháp cả một thế-bộ. Một nụ hoa đề
nhắc-nhóm tới cả vườn hồng rộng rãi, một vũng
nhỏ đề tưởng nhớ đến giải nước bao la, một con
én đề làm cả mùa xuân.

Từ khuynh-hướng này qua khuynh hướng nọ,
các nhà văn của chúng ta ngồi không nóng chỗ.
Trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, từ thủ
cựu ta chuyển sang lãng mạn, lướt qua tả chân,
suýt nữa thì tượng-trưng rồi về văn bên những
thuyết văn-chương mới nhất. Dù ba mươi năm sau
giọng văn cân đối nhịp nhàng đã có những bài
thơ bí hiểm cũng chẳng ai kịp ngạc nhiên, chỉ
cảm giác được ngấm một cuộc tình ái diễn tả
toàn bằng hôn, cái hôn phơn phớt ở ngoài da vốn
hời hợt nồng nức nhất trong các cách âu yếm.
Đến nỗi có người ngờ chẳng phải là chất, ấy chỉ
là hình.

Duyên cớ vì đâu ? Có phải vì đã có một hội
chúng ta nhìn văn Pháp qua tấm màn cửa văn
Tàu chẳng ? Lư-Thoa, Mạnh Đức Tư Cửu bấy
nhiều tên là bấy nhiêu chứng cớ để tỏ ra rằng
trước đây mười năm, hai mươi năm ta đã nhờ
hiện tượng phản-xạ mà nhìn thấy bóng nắng, nhờ
tiếng vang mà nghe thấy sóng bề rì rào. Tại cách

bức cho nên ánh nắng, tiếng sóng rất là yếu ớt.
Thế rồi đến khi đã được trực-tiếp thì cái quang
cảnh làng văn Pháp
. luôn luôn thay đổi. Ấy là từ sau trận đại-
chiến trước. Các ngành văn thì nọ nay nọ,
ngành nào cũng tự-phụ có kỳ-hoa không giống
một thứ hoa nào, không kén một thứ hoa nào.
Các khuynh hướng trái ngược, cùng một lúc vẽ
ngang vẽ dọc, chỉ biết rối loạn. Kể thử dân quen
thung thỏ cũng của hàng hoàng, khó phân
phương hướng, nữa là kẻ ở ngoài. Đã không
chọn lọc được tất thảy là ta cố đi cho khắp, đi
thật nhanh cho kịp, nháng đi quá nhanh nên
chẳng thấy gì. Cái hời hợt của các khuynh hướng
làng văn Việt-Nam có ảnh hưởng một chút hỗn
loạn của làng văn Pháp.

Duyên cớ thứ hai có lẽ là bởi một số đông các
nhà văn của chúng ta giao thiệp với văn chương
Pháp chẳng được thân-mật chỉ cho lắm. Vốn
chẳng có văn xuôi, buổi đầu ta chỉ chăm chăm
đi tìm lối văn đó. Có thể nói rằng ba mươi năm
văn học Việt-Nam cận đại là ba mươi năm bấp
rợn vì việc tân văn. Kể từ Paulus Của nói sao
viết vậy, qua Phạm-Quỳnh cân đối nhịp nhàng
phảng-phất câu văn tứ phủ, Nguyễn Văn-Một pò
tuồng, Hoàng Tích-Chu độc cốn theo văn-phạm
Pháp cho đến giọng văn nhẹ nhàng dân dị của
nhóm Tự Lực Văn Đoàn, chúng ta vẫn chỉ chăm
chăm tìm cách diễn tả mà chưa đề ý đến tư
tưởng. Văn dịch, vì lẽ đó, nên ngày xưa, mới quá
nhiều. Kịp đến lúc bắt đầu có các tác-phẩm sáng
tác thì lại nghiệm ra rằng những người có giao
thiệp mật thiết với văn Pháp lại là kẻ ít sáng tác
nhất. Học văn hình như làm cho họ cần cỗi. Bị
ảnh hưởng văn Pháp chơi lừa, họ chẳng đủ tự-tin để
viết văn. Nếu có viết họ lại tìm những công-thức
kỳ quái hay lại trú vào bên dịch-thuật. Còn những
nhà văn sáng tác thì vì quen sơ nên bạo dạn.
Chạy dài ra khơi, liên tiếp có các mồm đá nổi cao
khỏi mặt nước, lòng lạnh dưới ánh mặt trời.

Mởm xa nhất lại là chỗ có nhiều ảo ảnh, lại là chỗ quyến-dũ người ta nhất. Ai ai cũng không muốn ngồi-lâu ở chỗ mình ngồi, chỉ chờ cơ hội nhẩy ra thật xa để được tiếng chành-vênh ngoài biển cả. Họ muốn siêu tả chân trước khi tả chân, tối tam trước khi sáng sửa. Gọng gạo là dơ đó. Tâm hồn còn lãng mạn mà đã muốn cảm giác siêu nhiên. Chưa quen với ý thức đã tìm tiềm thức cùng vô ý thức. Thành ra có sự sung khắc, bản-ngã-thật với bản-ngã-muốn-có. Cái bất lợi của chúng ta ấy là lại ta có thể bắt đầu đi từ chỗ cuối của người khác, cái cuối cùng nghĩa là cái mới nhất vốn nhiều quyến rũ. Tôi không phải hoàn toàn cho rằng văn chương phải theo luật tiến hóa, từ thời kỳ này bắt buộc phải chuyển sang thời kỳ kia. Nhưng cũng khó mà bảo rằng có thể kỷ chuồng hẳn tuyên ngôn với André Breton mà chẳng từng sôi nổi tranh luận các thuyết Bergson, Freud...

Đuyên có tí ứ ha ấy là vì làng văn Việt-Nam yên ổn và bình tĩnh quá đáng. Cảnh tượng chẳng hay gì. Các cuộc tranh biện về văn chương ở xứ này chưa bao giờ mạnh mẽ hăng hái đến nỗi kéo bè kéo đảng. Bình an trong chuyện văn chương chẳng làm tiến bộ, chỉ tỏ ra rằng thiếu suy nghĩ, liang hải, sốt sắng, thâm trầm. Thà có những cuộc tranh luận về quốc học, nghệ thuật vị nghệ thuật còn hơn không, tuy trong lúc bàn cãi chẳng có lý lẽ mới, mà chỉ là nhắc lại những câu bàn luận ở nước ngoài.

Thêm vào bấy nhiêu đó, một chút nhượng bộ của văn học Trung Hoa, một chút nhẹ dạ, cần thủ là ta hiểu rõ... ảnh hưởng của văn học Pháp... với làng văn Việt-Nam.

*

Những tư-tưởng trên đây, giờ lại trong trí não tôi, khi tôi nghĩ đến kịch của làng văn xứ này.

Kịch cũng như văn xuôi đều là loại ta mới tìm thấy. Kịch cũng như văn xuôi đều có mẫu mực sẵn ta có thể chỉ việc phỏng theo. Nhưng phỏng theo cái mẫu cuối cùng hay bắt đầu lại cái mẫu thứ nhất? Câu hỏi dĩ cần phải giải nhờ ngay vì loại kịch ở các nước châu Âu, khác các loại văn khác, tiến hóa một cách đặc biệt, đến nỗi người ta có thể tưởng rằng khéo rồi lại quay lại hồi Trung Cổ.

Cái lối kịch mà các nhà văn Việt-Nam đương rập khuôn, chính bắt đầu từ thế-kỷ thứ mười sáu. Trước kia muốn quyến rũ khán-giả, người ta điều hòa lời nói với âm-nhạc cùng ca-vũ. Cái khéo léo dần xếp hoàn-toàn trông vào một kẻ dẫn trò (meneur de jeu). Từ thời Phục-Hưng (Renaissance) mà đi bắt đầu các phầu-lữ của nghệ thuật, sân khấu chia rẽ: tuồng hát lấy âm nhạc làm cốt với kịch, trông cậy vào văn chương, mỗi anh lập một gia-đình tự-lập. Vở thành ra quan trọng nhất mà người thưởng thức kịch trước hết phải biết thưởng thức văn chương đã Công chúng của kịch vì đó đã giảm bớt một phần.

Câu chuyện đem ra diễn trên sân khấu cũng lại thay đổi hẳn. Muốn cho khán giả bồi hồi cảm động, ngày xưa người ta chỉ đem diễn những câu chuyện cổ tích đã ăn nhập vào trí não mọi người hoặc thuộc về đạo giáo, dã sử, hoặc đề biêu dương tính thần thượng võ hay trung quân ái quốc. Bao nhiêu người ngồi xem hát phải cùng chung một tín tưởng, phải cùng cảm động theo một nhịp. Kịch trái lại có ý khinh thường khán giả. Như lời Benjamin Crémieux đã nói, kịch chỉ chăm một mục-dịch « diễn tả những cuộc đời của cá nhân bịa ra hay nhận thấy, tùy cái hứng riêng của nhà văn ». Tâm lý của từng người, sự giao tiếp của các nhân vật trong xã-hội, đó là các đầu đề yêu chuộng. Nội dung kịch vì thế càng ngày càng xa dân chúng, chỉ một nhóm người, bọn quý phái rồi đến bọn trưởng giả có học, có thể thưởng thức được vì họ vẫn đứng tư tưởng dễ dùng. Nghệ-thuật sân khấu cốt yếu là một nghệ thuật công cộng để cho nhiều người cùng hưởng. Từ thế kỷ thứ mười sáu cho đến bây giờ, kịch, càng ngày càng quên điều đó. Kịch Cổ Điển của Pháp còn cố tìm những tình hình khả dĩ rung động quần chúng để cho mọi người cùng có thể thưởng thức. Nhưng từ thế kỷ thứ mười chín, chủ nghĩa cá nhân càng bành trướng thì nghệ thuật sân khấu cũng theo đó mà tiến hóa. Trong các bi-kịch lãng mạn đã thấy những vai trò phản-xã-hội, bất chấp cả những lễ thời có sẵn. Các kịch sĩ tin rằng nghệ thuật mà để cho nhiều người có thể hiểu thấu được ấy là không còn giữ được nguyên chất. Họ đem áp dụng vào kịch những thuyết mới nhất về làm lý, về chính trị mà chỉ một số

hàng người tri-thức quan niệm được : nào thuyết phân tính (một người rõ thể vừa thật hiền vừa thật ác), nào thuyết lấy vợ ý thức làm cốt của Proust, vừa Pirandello, nào thuyết của Freud tìm đuối lần thói quen xã-hội những khuynh hướng tính dục bị đè nén vận vào... Rút cục sinh ra những vở kịch bí hiểm khó ai hiểu được.

Nhưng phạm quá đáng thì bao giờ cũng có phản động. Giấy kéo căng quá tất phải đứt. Mấy năm gần đây ở Âu Châu một phong trào nổi lên phản đối lối kịch cũ. « Sức mạnh của sân khấu là diễn được ý muốn của đại chúng ». Câu nói của nhà đàn cảnh Nga *Tairov* đã được rõ khuynh hướng mới.

Phải lập lại một lối kịch cho đại chúng. Đó là khẩu hiệu của một số đông các nhà văn. Muốn làm cho đám đông dân chúng cùng rung động theo một nhịp, có nơi thì người ta đem nhà đàn cảnh được toàn quyền hành động, có thể tùy ý thay đổi cả lời nói, thay đổi cả cốt chuyện, và ý nghĩa vở. Về phương diện này các nhà đàn cảnh Nga như *Tairov*, *Meyerbold* đi xa hơn cả. Họ chỉ có một mục đích : dùng sân khấu làm nơi cổ động cho các ý kiến chính-trị. « Cuộc tiến hóa của lịch-sử nhân loại gần đôi nghệ-thuật sân khấu của phái trưởng giả. Kịch, mất mất chất đất nuôi sống hóa thành một thứ cây giồng trong buồng kính, thành một thứ đồ chơi cho các giai-cấp trên nhất trong xã hội ». Ở bên Đức trước thời phái Quốc-xã lên cầm quyền, một nhà đàn cảnh thuộc cộng sản đã đem diễn trước công chúng thợ thuyền những tích hát tuyên truyền, dùng đủ các cách để quyến rũ nào ca, nào múa, nào chớp ảnh, nào kèn trống....

Lại có nơi thì người ta định tổ chức lại những lối diễn trò công-cộng ở các công trường, các bãi thể thao hay ở các rạp hát lộ thiên còn sót lại từ thời La-Mã. Phái Gia-Tô tìm cách diễn lại những sự tích đạo có từ đời Trung cê. Max Rheinhard, Jacques Copeau là những tên đáng nhớ.

Các người Do Thái cũng tìm một nghệ thuật mới để tả các phản động của đám đông. Ở lâu dài Thể-Thao bên Nga người ta đã lập lại những buổi diễn giữa giới cho hàng vạn người. Đáng phát-xít năm 1939 đã đem diễn ở Florence một tấn trò mà vai chính là một chiếc xe vận tải. Kịch tả cái nông nổi thăng trầm của chiếc xe

trong hồi đại chiến và sau đó, vào lúc kình tế lung-lay.

Nói tóm lại, ở châu Âu trước trận đại chiến này, mọi nước đều cổ khuynh-hướng giữ lại lối kịch tự thời Trung-Cổ và lối đó có lợi cho sự tuyên-truyền các ý kiến chính-trị.

Trong khi đó thì ở nước ta, kịch đã tiến hóa như thế nào ? Một điều ai cũng công-nhận là người viết kịch rất hiếm, đêm hàng ngón tay cũng đủ, mà các buổi diễn kịch đều vắng người xem.

Duyên cớ thật dễ tìm. Chúng ta vốn đã có những vở tuồng vở chèo dung hòa cả ca, nhạc, vũ, ngôn. Các vở đó đều theo đúng những nguyên tắc luân lý, tín ngưỡng của Á Đông người xem như đi vào một chỗ nhà quen, mỗi lúc tìm thấy một vật thân mến lại thêm vui thú. Đột nhiên nay đem họ đến ngồi nghe hai, ba người nói chuyện suông thì họ phải chán, một phần lợi họ chẳng thưởng thức nổi cái văn chương lời nói một phần Lợi tích đem diễn ra cũng lạ lùng : những chuyện âu yếm đáng phải giấu diếm, những phong tục của một hạng người xa cách họ nhiều hay những ý kiến về nhân sinh đối với họ quá tinh vi. Ấy là nhân vật của hai nhà viết kịch đáng chú ý nhất của chúng ta cũng còn nhiều giằng buộc với các lớp người trong xã hội, một người thiên về phong tục, nhời văn lành mạnh, dễ hiểu (ông Vi Huyền-Đắc), một người thì có thể liệ vào các nhà phóng túng như kiểu *Henri Duvernois*, *Sacha Guitry* (ông Đoàn Phú Tứ) nhẹ nhàng hóm hỉnh.

Con đường thật là dài, ta mới nhớ đầu ra, bước đi vài bước. Thế mà kẻ đi trước đã lâu quay lại bảo ta rằng : « Nền về chỗ cũ thôi ! Lạc lối rồi ». Nghe hay không nghe ? Cả vấn đề sống còn của kịch là ở chỗ phân vân đó !

Lùi trở lại chèo với tuồng tức là đi ngược lại chỉ hướng của phầu tri-thức. Tiến bước ấy là đi trái đại chúng. Chèo, tuồng cho bình dân, kịch cho thượng lưu như ta đương làm ngày nay cũng chẳng lợi gì, chỉ làm sâu cái hố phân cách, cái hố má mai hậu có lẽ sẽ bị lấp bằng.

Muốn giải quyết vấn đề này, việc cần yếu là phải tìm cái đặc sắc của mỗi loại. Muốn quyến rũ, tuồng chèo dùng nhiều hình sắc, âm má kịch thì thả vào văn chương. Nghệ thuật sân khấu cổ (Xem tiếp trang 15)

Những vết thuở xưa

HOÀNG XUÂN HÂN

Năm xưa, tôi có lần dẫn bạn nước ngoài xem phong-cảnh Hà-nội ; lúc chúng tôi bước chân lên đến tầng trên của tam-gian Vạn-miếu, thì thấy lộ lộ mấy dòng chữ đỏ trên tường : Souvenir inoxydable, nghĩa là vết kỷ niệm không dỉ ; dưới đề ngày, tháng, năm rồi ký tên : Nguyễn này, Trần nọ, học sinh trường. . . Chắc độc-giả đã đoán trường nào rồi.

Ngày nay, trên các tường với vách đá các nơi công cộng, các đền đài hang động, đâu đâu ta cũng thấy nhan nhản những chữ viết hình vẽ của kẻ đã đi qua : Ta, Tà, Tây hay ngoại-quốc khác. Từ vịnh Hạ-long đến đền Ăng-ko, từ chùa Hương-tích đến hang Tì-thức. Nào tên đề bằng sơn, bằng mực, bằng phấn, bằng son, nào chữ vạch, khắc sâu vào đá. Ngoại tên, còn đề ngày tháng, đề hiệu, đề chức phận nữa. Nhưng cặp chung-tình vạch vào đá hai mẫu-tự dúi nhau hay quả tim bị tên xuyên trửa (giữa). Lại có kẻ hoặc theo chuyện Phật-tích, hoặc theo vết chân cụ Trương-hán-Siêu tạc hình chân mình vào đá. Biết bao thi-sĩ tô mấy vần thơ rờm lên tường hay làm dơ tấm đá. Họ không biết kiêng nể chốn tôn-nghiêm, nơi thắng-tích, bên bức tượng thờ, trên tấm bia xưa, ta cũng thấy đầy di-tích kỷ-niệm !

Những nét dơ ấy dần dần lan khắp các đền-son thắng-tích và làm thương-tâm kẻ du-khách hữu-tâm.

Lòng thương-tâm không phải chỉ là sự buồn man-mác và vô-định vì thấy non sông gấm-vóc bị vết bẩn làm dơ. Mà thói xưa ấy có thể tiêu-biểu cho một thời-dại suy đồi về tinh-thần, thời-tại mà chúng ta đã quên cái nghĩa thực của đời xưa, lại lạt chước thói hư của lối mới. Và chẳng thói xưa ấy dành riêng cho kẻ hay du-lịch ngày nay, nghĩa

là thanh-niên học-thức. Thấy thế ta lại càng ái ngại.

Đề vịnh các cảnh đẹp là tục là xưa. Khắc đá đề thơ là sự người xưa hay làm. Nay ta lấy làm sung sướng còn được đọc trên vách đá thơ của Lê-thánh-Tôn ở động Hàm-rồng hoặc trên bức gỗ thơ vua Trần-nhân-Tôn ở Phủ Thiên Trường (Đền Túc-mặc). Các tiền-nhân biết lường sức. Thơ đáng khắc mới khắc. Mà biết bao thơ đáng khắc lại không khắc. « khôn van tể, đại văn lia » người bây giờ không nhẽng đại !

Trên vách chùa Thầy, bên cạnh bài ca của cụ Mai-son Nguyễn-thượng-Hiền viết, bắt đầu bằng.

« Non xanh đã biết hay chưa ?

Khách chơi năm trước bây giờ lại đây ;

Hỏi thăm những gió cùng mây,

Đấu xưa rầy vẫn lối này nam xưa...

có kẻ cáo hứng cũng đề :

« Cảnh chùa đẹp lắm hơi trời ơi !

.

Còn có kẻ tuy đốt, nhưng thuê người làm thơ vịnh cảnh rồi cũng thuê thợ khắc.

Đó là những kẻ còn bắt chước người xưa mà quên nghĩa thực của người xưa.

Còn hạng du-lịch khác thì lại không biết rằng những bia thấy đó không phải để khoe tên các cụ mà chính là để giữ lấy bài thơ. Họ thấy người ngoại quốc có kẻ đề tên, nên đua nhau bắt chước. Đó cũng hợp với tục xưa là khắc vào đá, đề vào tường để làm kỷ niệm ; mà đề tên là một sự rất dễ. Tha hồ ai viết cho to, đề cho cao ! Họ tưởng làm thế là đúng với điệu Âu Mỹ. Họ có ngờ đâu ở Âu-châu chỉ có hạng hạ-lưu mới bạ đâu đề tên mình đó, vẽ quả tim đó mà thôi.

Ta hay bắt chước, mà bắt chước thường không biết biện đồ hay.

Đó cũng bởi kiến cứng quá mực. Ta tự cho bản-thân là đặc-sắc, nên danh-hiệu mình-phải lưu lại với thời-gian. Lòng sợ dấu vết mình chống lại rất hiển hiện trong sự tìm tòi cách đề lên cho rất cao hoặc khắc nét rất sâu, rất lớn.

Sự kiêu căng nhỏ mọn ấy tuy là khả ố, nhưng cũng không hại gì. Sự hại là vì nó làm cho quên hết lòng kính trọng cái tôn nghiêm, cái đẹp đẽ.

Ái cũng có quyền từ-ngưỡng theo mình, nhưng ai cũng phải trọng nơi đình, chùa, miếu, điện. Kẻ du-lịch phần nhiều quên điều ấy, nên ta mới thấy vách chùa, bia đá đầy những nét đơ. Nhớ hồi chợ-phiền còn là mộng-tưởng của thanh-niên, trai gái đem hoa giấy lên ném cả đầu tượng phật!

NGHI VE KỊCH

(Tiếp theo trang 13)

Cố ý dùng những điển tích cũ để tạo một rung động chung cho khán giả mà kịch thì trái lại càng ngày càng lãng xa đại chúng.

Đấy cho quần chúng thưởng thức văn chương mà không làm họ bỡ ngỡ. Ấy phải là tuyệt đích của cách kịch sĩ Việt-Nam ngày nay. Diễn bằng những lối đối đáp tròn-lọc một câu chuyện hợp với tin ngưỡng chung. Ấy là phong tục phải dùng.

Lấy cái khuôn của kịch để diễn những tình tình chung. Trương lai của sân khấu có thể giải quyết bằng cách đó.

LÊ DUY VĂN

Đứng trước cảnh đẹp, trước vật xưa, kẻ học-giả trong lòng phải cảm động. Thế mà khách du-lịch phần đông không thể, nên họ lán-phá biết bao nơi.

Ta nay phải tìm cách thực-hiệu hơn. Hoặc có kẻ bảo, nên yết bảng trước đền đài trước hang động, cấm viết, cấm vẽ: nên cho phép phạt những kẻ phạm vào tội cấm ấy. Có lẽ làm như thế cũng có hiệu-nghệ quả ít nhiều, nhưng bảng yết ít lâu cũng mất: người làng có ai ở đó mà trông nom luôn luôn đâu. Trừng-giới là tự lòng ta. Mỗi lúc ta thấy cái bảng đề các công sở: « Cấm không được khạc nhổ » ta rất lấy làm hổ thẹn cho ta. Vậy những cái bảng « cấm đừng viết bậy vào tường vào vách » sẽ làm cho ta cùng thẹn hổ thẹn.

Trừng-giới là tự lòng ta. Những kẻ du-lịch phần đông là thanh niên học thức, nghĩa là những người có thể đọc được bài này, biết suy nghĩ, biết tự hối. Không những mình không làm bậy, mình lại bảo kẻ khác đừng làm. Mà ai có thể xóa những chữ viết ở các vách tường cũng nên làm, vì kẻ sau tới thấy có nét xưa cọ lẽ tự nghĩ mà thôi không vẽ thêm vào nữa.

Nếu thanh-niên học-thức hiểu được là vậy, đó sẽ là một bước dài trên đường khôi phục về tinh-thần ở nước ta.

Mong rằng lời nói không thoảng qua ngoài tai độc-giả.

HOÀNG XUÂN HÂN

MÓI PHÁT HÀNH :

của TOÀN ANH

PHONG LƯU DỒNG RUỘNG

Một tập khảo-cứu phong-phủ về các phong-tục và thú chơi lao-nhã của ta ở các vùng quê xứ Bắc: Ném pháo, thổi cơm thi, hát quan họ, v. v. . .

Vết tích của bao nhiêu về đẹp hầu tàn của đất nước.



Bản thường 2\$150

Bản giấy Nhì-Nùng .. 10,00



ANH HOA

69, Giảng Thán, 69 — HANOI



TỔNG PHÁT HÀNH TRONG TOÀN XỨ

Nhà sách MINH ĐỨC — THAI BÌNH

MỘT TRUYỆN BUỒN CỦA TUỔI TRE THƠ

== NGUYỄN VĂN CỬA : QUỐC MỘC DIỄN ĐOC EO ==

HOA TRUNG dịch

Cái vui của trẻ con nên thơ, thì cái buồn của trẻ con cũng nên thơ. Một nỗi vui xuất ở lòng tự nhiên mà đáng phải vào khúc nhạc thì một nỗi buồn xuất ở lòng tự nhiên cũng đáng luyến vào nhạc ca.

Sau đây tôi sẽ xin kể một chuyện buồn của tôi trong thời thơ ấu. (Đó là lời một gã thanh niên). Vào khoảng từ 8 tuổi cho đến 15 tuổi, tôi ở với mẹ tôi, vì lúc bấy giờ thầy mẹ tôi đều bận công việc ở Đông Kinh.

Nhà chủ tôi, ở vùng đó kẻ cũng là một nhà gia, rất nhiều ruộng vườn sơn trại, trong nhà không thường lúc nào cũng có tới 7, 8 gia-nhân. Nếu tôi không được ơn thầy mẹ tôi có ý hay cho sống nơi điền xá trong lúc thiếu thời, mà cứ ở với cha mẹ ở Đông Kinh, thì có lẽ ngày nay tôi khác hẳn. Trí tuệ có lẽ có phần tiến bộ hơn, nhưng tâm tính chắc khó khăn...

Suốt ngày, tôi rong chơi ở đồng, ở núi, mà tìm cách thoát qua bầu năm hạnh phúc của tôi. Nhà tôi ở ven biển, gần đấy có nhiều rừng, có sông, có hồ, và xa một ít nữa, có một bãi biển nhỏ an từ cửa sông ra ngoài biển lớn. Ở cứ núi rừng hay sông hồ, không chỗ nào là không tự do rong chơi.

Khi tôi 12 tuổi, có một hôm, một gã gia-nhân là Đức Nhị Lang rủ tôi : « đêm nay cậu có muốn cùng đi với tôi đến một nơi rất thú vị không ? »

— Nơi nào thế ?

— Nơi nào, hỏi làm gì. Nơi nào chẳng được. mà Đức này đã đưa cậu đến, thì không nơi nào là không thú vị. Đức lang vừa nói vừa cười.

Gã Đức lang này là một anh chàng trạc 25 tuổi sức vóc khỏe mạnh, mồ côi cha mẹ, ở với chủ tôi từ thuở 11, 12 tuổi. Sắc da ngăm đen, khuôn mặt vuông vắn, hề uống rượu, là hát, mà không, uống cũng hay hát, vừa hát vừa làm việc, hẳn rất hoạt bát. Phi chủ, thường thường lúc nào hẳn cũng vui vẻ mà tính khí lại thẳng thắn, kẻ như con mồ côi được như hẳn cũng hiếm. Từ chủ tôi, cho đến người chung quanh đấy, ai cũng quý mến hẳn.

« — Nhưng mà, đừng nói cho chú, thím biết đấy, cậu nhé. » Đức Lang dặn thế, rồi mồm hát, chân bước đi, bằng chừng ra sau trại.

Bấy giờ là một đêm trăng tỏ chính giữa mùa hè. Tôi theo Đức Nhị Lang ra cánh đồng rồi men theo một con đường, đôi bên hoa lúa thơm-nức, tới đê sông. Quãng đê này cao, trèo lên đứng trên thì mắt bao quát cả cánh đồng rộng mênh mông.

Đêm tuy chưa khuya, nhưng giăng cũng đã cao, rớt tràn xuống đồng, núi, một làn ánh sáng trong vắt.

Đằng xa, cánh đồng mở mặt trong sương mờ màng như cảnh mộng, rừng cây bị rấn trím trong khói, mà hình như vẫn cứ nổi lên. Những giọt sương đọng đầu lá liễu, những cây liễu thấp bé mọc ở bên sông, trông long lanh như hạt châu. Sông chỗ này sập chảy vào vũng bể, nước thủy triều đương lúc lên đầy.

Một chiếc cầu làm hàng ván thuyền ghép lại treo lơ lửng trên sông, nay bỗng như thấp hẳn xuống : ấy cũng vì mực nước lên cao, mà những cây dương liễu bên sông cũng đã một nửa thân trím trong nước.

Trên bề tuy có gió lều lều thổi nhè nhẹ dưới mặt sông vẫn không hề lỵ sóng gợn, vòm giới soi xuống bóng nước, mặt nước trông như một tấm gương. Đức Nhị Lang xuống dè, cởi giầy một chiếc thuyền nhỏ buộc ở gần cầu bước xuống thuyền một cách lạnh lẽo, mặt nước từ trước đến nay vẫn phẳng ngắt, bỗng gợn sóng.

— « Cậu xuống mau mau lên » Đức Nhị Lang vừa dục tôi xuống thuyền, vừa cầm lấy mái chèo.

Tôi vừa nhẩy xuống thuyền, thì chiếc thuyền nhỏ của chúng tôi đã bắt đầu quấy mũi về phía cửa sông mà đi.

Càng tới gần cửa sông thì lòng sông càng rộng, ánh giăng bao mặt nước, hai bên bờ dè lại càng xa, rồi bỗng ngoảnh lại đã không thấy sông đâu nữa, thì ra thuyền đã ra vũng bề từ lúc nào không biết.

Giữa vũng bề rộng, lúc bấy giờ chỉ có chiếc thuyền của chúng tôi.

Bình nhật Đức lang lúc hát cất tiếng rất to, nhưng đêm nay, tiếng rất nhỏ, vừa hát vừa chèo thuyền một cách nhẹ nhàng.

Cái cửa sông bé nhỏ như một cái ao kia, nay vì nước triều dâng lên và ánh giăng giới xuống đã đổi khác hẳn : tôi không thể nhận được đó là cái cửa sông đầy bùn lầy thiu mà thường nhật, tôi vẫn quen trông thấy.

Phía nam, bóng núi chiếu xuống nước, phía bắc và phía đông, ánh trăng phẳng mịn dưới bóng giăng, không biết đâu là nước đâu là bờ con thuyền nhỏ cứ hướng về phía tây mà tiến.

Cửa vũng bề ở phía tây, hẹp mà sâu bờ giốc mà cao. Những tàu đậu ở đó tuy ít, nhưng toàn là bạng lớn và đa số là tàu buồm kiểu Tây Âu. Những tập này chở muối xuất sản ở cửa bề, và ngải ra thuyền tàu của những người ở vùng ấy có công việc giao dịch với Triều Tiên cũng không phải là ít, có cả tàu Nhật vãng lai ở Nội-Hải, cũng đậu ở đây. Hai bên bờ nhà cao, nhà thấp lưng dựa vào núi, mặt ngả ra bề, tổng số cũng được vài trăm nóc.

Ở vùng bề trông ra, đèn trên đất như sao, ánh chiếu xuống nước như rạn vàng, ở giữa sắc núi bóng giăng, nổi lên, trông như là một bức họa.

Thuyền chúng tôi càng tiến gần cửa bề nhỏ kia, thì những tiếng ở đấy nghe càng rõ. Bấy giờ, tôi không thể thụt rõ tại cái quang cảnh cửa

bề đêm hôm ấy được. Nhưng đại khái tồn in vào mắt tôi những hình tượng sau này : nhàn nhàn bề giăng sang, nên người trong tàu đều lên tầng thượng, người trong nhà đều ra ngoài cửa. Bao nhiêu cửa sổ ngoảnh ra bề đều mở toang, lửa đèn tuy có gió thổi lều lều mà mặt bề lặng như dầu, nào là người thổi sáo, nào là người hát; từ những nhà ca lâu thủy tạ phát ra những tiếng cười lẫn với tiếng đàn tam huyền, thật là một cảnh phồn hoa tạn lạc. Nhưng bao la cái cảnh giới hoan lạc ấy, lại có một cảnh âm thầm tịch mịch, là cảnh núi mờ nước mịn với trạng suông.

Đi vượt qua hóng một chiếc tàu buồm, Đức Nhị Lang ghé thuyền vào một bến đá màu đen nhạt.

— « Mời cậu lên ». Đức lang dục tôi lên bờ. Từ lúc ở dè xuống thuyền, ý không hề nói với tôi một lời nào khác nữa, nên tôi cũng không biết Đức lang đưa tôi đến đây làm gì. Nhưng tôi cũng theo lời ý mà lên bờ.

Buộc xong thuyền, Đức lang lên bến thăm xem trèo lên trước, còn tôi theo sau, chẳng nói chẳng rằng. Bến đá có từng bậc, rộng không đầy thước, hai bên có tường cao. Lên hết bậc đá, thì tới một nơi như là cái sân của một nhà nào. Bờ bề tường bao vây, và ở bốn góc sân có bày những cái thống đựng nước. Trông sang một mé tường thấy một cây như cây cam đường um tùm, nhô qua tường nửa thân cây. Ánh giăng soi vàng vào xuống đất, quang cảnh rất tịch mịch âm thầm như nơi không có người ở. Đức lang đứng dừng lại một lúc hình như lắng tai nghe, rồi bước gần lại mé tường bên phải giơ tay áp vào tường. Thình lình ra chỗ ấy có một chiếc cửa nhỏ, màu đen, Đức lang lặng lẽ mở ra, tiếp cửa có một cái thang. Cửa vừa mở thì nghe có tiếng chân ở thềm xuống.

— « Đức lang đấy ư ? — tiếng một người con gái còn ít tuổi vừa lộ đầu ra, vừa hỏi.

— « Cô đợi tôi có lâu không ? » Đức lang hỏi.

Thiếu nữ rồi ngoảnh lại trông tôi, mà nói tiếp.

— « Tôi có đưa cậu tôi lại đây ». Ý vừa nói vừa bước lại.

— « Mời cậu lên, mời anh Đức lên không cần đứng đây ». Thiếu nữ mời, dục lên gác, nên Đức lang bước lên thang ngay, chỉ bảo tôi rằng :

— « Cậu cẩn thận đấy, cầu thang tối lắm ».

Tôi cũng phải theo chân thiếu nữ trèo lên thang, càng lên thang càng tối, càng hẹp và bực thang càng giốc.

Mới biết rằng nhà này là một nhà ca lâu, thiếu nữ đưa chúng tôi vào một phòng khách, giới thiệu ra bề; ngồi đó trông ra bao quát vũng hồ, trông suốt đến cánh đồng bằng và cả bờ hồ về phía tây. Trong phòng khách giải sáu chiếu, mà chiếu cũng đã cũ, nên trông qua cũng đủ biết nhà này không phải vào hạng sang trọng lắm.

— « Mời cậu ngồi đây » Thiếu nữ vừa nói, vừa đặt xuống chiếu một cái nệm để ngồi, rồi mời tôi ăn cam và các thứ quả vật điểm tâm khác. Rồi kéo một tấm gỗ ngăn phòng khác với buồng bên cạnh, mở ra, thì thấy một cổ rượu đã dọn sẵn; Thiếu nữ đưa lại rồi cùng với Đức Lang ngồi đối diện.

Đức Lang lộ một vẻ mặt rất buồn rầu mà ngày thường y chưa từng có bao giờ, đỡ lấy chén rượu của thiếu nữ đưa mời, hớp một hớp, cạn chén:

— Thế cô đã quyết định hôn nào chưa? » Y vừa nói, mắt vừa chăm chăm nhìn thiếu nữ. Thiếu nữ trạc độ 19, 20, da xanh nhợt, ngời yếu lả, trông như một bệnh nhân.

— « Ngày mai, ngày kia, ngày kia... » thiếu nữ vừa nói vừa đếm ngón tay; — « định, ngày kia, nhưng tôi, bây giờ hình như tâm thần bất định »; nói xong, cúi đầu xuống, hình như kéo vạt áo lau mặt; trong khi ấy thì Đức Lang tự rót rượu, lấy đống luôn mấy chén.

— « Đến bây giờ mà còn do dự ư; không có cách nào ư? »

— « Đã đành thế, nhưng tôi bây giờ chỉ còn một chết là xong, không còn biết thế nào là phải nữa ».

— « Hừ, hừ, cái cô này lại nói muốn chết, mới làm sao! ừ, ừ, theo ý muốn của cô tôi đã mời cậu tôi lại đây, cô hãy nhìn xem đi ».

— « Vira rồi tôi đã nhìn kỹ, quả giống thật giống lắm, trong lòng tôi đã cảm thấy giống lắm. » Thiếu nữ vừa nói, vừa mỉm cười nhìn vào mặt tôi.

— « Giống ai? » Tôi lấy làm ngạc nhiên, hỏi cô ta.

— « Giống em tôi. Nói cậu giống em tôi, không tin, xin cậu hãy xem cái này ». Thiếu nữ vừa nói, vừa lấy ở túi ra một tấm ảnh đưa cho tôi xem

— « Nay cậu à, cổ này hôn nọ đưa cho tôi xem cái ảnh ấy, tôi nói giống cậu như đúc, nên cô ta khản khoản nói với tôi mời cậu lại đây, nên tôi hôn nay tôi mới đưa cậu lại đây, vậy nên hãy hỏi cô ấy có muốn thỉnh cầu cậu gì không » Đức Lang nói luôn một hơi, không dừng, thiếu nữ đứng cạnh tôi, òn tồn ngắt lời:

— « Được, thế nào cũng xin cậu, nhưng bây giờ hãy hỏi cậu thích xơi gì? » cô vừa nói vừa điểm một nụ cười.

— « Tôi không thích gì cả », tôi nói gạt đi.

— « Vậy thì xin mời cậu đi chơi thuyền, cùng đi chơi thuyền với tôi nhé! » Nói chưa rút lời, đứng dậy, tôi cũng đứng dậy theo cô ta xuống gác. Còn Đức Lang chỉ một mực cười khì.

Lần xuống cái bến hồ lúc này, rồi thiếu nữ nhàn nhàn tôi xuống thuyền trước, xong cô tôi giảy thuyền, nhẹ nhàng như ý muốn, cầm chèo chèo một cách rất dịu dàng. Tôi tuy nhỏ, nhưng trông thấy cách cử động của cô ta, cũng phải lấy làm lạ.

Thuyền ra khỏi bờ, trông lên thì Đức-Nhị-Lang đứng dựa lan can nhìn xuống; trong có ánh đèn chiếu ra, ngoài có ánh giăng soi vào, hình dung chàng trông rất rõ rệt.

— « Phải cần thận đấy, không có thì nguy hiểm đấy ». Hắn ta đứng trên gác dặn xuống.

— « Đừng quan tâm ». Thiếu nữ ội dưới đáp lên: « Chỉ đi một lúc rồi về ngay, anh đợi chúng tôi đấy! »

Thuyền lách qua 6, 7 chiếc tàu to rồi tiến ra, chẳng bao lâu đã ra khơi. Ánh giăng càng thêm trong, chẳng khác gì một đèn thu. Thiếu nữ ngừng tay chèo, lại ngồi bên tôi. Cô ngừng lên nhìn giăng, nhìn chung quanh bề rộng, rồi hỏi tôi:

— « Cậu ơi, cậu bao nhiêu tuổi? »

— « 12 tuổi. »

— « Anh em tôi cũng chụp lúc hần lên 12 bây giờ, hần 16. . . , phải nam nay 16, nhưng từ năm 12, không trông thấy nhau nữa, nên chỉ bây giờ thấy cậu, tôi trông giống em tôi quá! » Vừa nói vừa chăm chăm nhìn vào mặt tôi, rồi hồi nhiên khóc nức nở. Ánh giăng soi vào mặt thiếu nữ, khiến da mặt xanh lại càng thêm xanh.

— « Thế em cô chết rồi ư? »

— Không! Nếu chết thì đã đánh dụ. Nhưng khổ nỗi phân ly, rồi không biết tống tiết nơi nao! Cha mẹ tôi mất sớm, chỉ để lại có hai chị em nương tựa vào nhau, thế mà nay ly biệt, mỗi người một phương chẳng biết sống chết thế nào! Huống chi, tôi lại sắp phải đưa di Triều-tiên, vậy ở thế gian này chị em còn được gặp gỡ nhau không, thật không có gì là chắc! » ; vừa nói, nước mắt vừa giòng giòng xuống hai má, cô càng lau lại càng trằn, nhìn mặt tôi mà khóc nức nở.

Tôi vừa nhìn về phía bờ vừa lắng lễ nghe chuyện thiếu nữ kể. Đèn trên bờ chiếu xuống nước long lanh..... lúc bấy giờ lòng Trẻ thơ của tôi cảm thấy một nỗi bi ai không nói xiết.

Bỗng nhiên, một chiếc thuyền con rượt tới, thì hóa ra là Đức Nhị Lang.

— «Tôi mang rượu đến đây! ». Đức-lang nói to, cách thuyền chúng tôi độ 2, 3 trượng.

— « Hay lắm, chính tôi vừa nói chuyện em tôi cho cậu nghe. » Thiếu nữ nói buồn lời, thì thuyền Đức-Lang đã ghé vào thuyền chúng tôi.

— « Vàng, vàng, tôi cũng đoán như thế, nên đem rượu lại đây, mời cô uống, uống xong, tôi sẽ hát cho nghe ». Đức-Lang đã có vẻ say, chàng đưa thiếu nữ chiếc chén, thiếu nữ cầm lấy rót đầy, rồi cô uống hết ngay.

— « Xin mời chén nữa ». Đức-Lang rót một chén nữa mời, thiếu nữ lại uống cạn chén, trông lên giăng, hơi thở đầy mùi rượu.

— « Khá lắm. Vậy bây giờ tôi xin hát cho mà nghe. »

— « Không; để cho tôi khóc cho hả. Ở đây, không ai thấy cả và cũng không ai nghe cả, vậy xin để cho tôi khóc cho hả.

— « Được, được, cô cứ khóc đi, tôi và cậu tôi xin ngồi nghe. » Đức-Lang vừa nói, vừa nhìn tôi mà cười.

Thiếu nữ ỉu ỉu đầu xuống nức nở, nhưng khóc không ra tiếng, có vẻ uất ức đau khổ vô cùng. Trước tình cảnh ấy Đức-Lang nghiêm sắc mặt lại bỗng nhiên ngảnh mặt đi, trông về phía núi, mà ngồi thừ ra.

Tôi vội bảo y :

— « Nay Đức-Lang, ta đi về đi ! »

Tôi vừa nói xong, thì thiếu nữ ngẩng đầu lên :

— « Xin cậu đừng lỗi cho tôi, hãy ra, thấy tôi khóc như thế này thì cậu chẳng có thù gì..... Được cậu lại đây, tôi tưởng như tôi được gặp em tôi. Tôi chúc cậu được luôn luôn mạnh khỏe và có một tương lai tốt đẹp. »

Thiếu nữ nói không ra tiếng, rồi quay lại bảo Đức-Lang :

— « Anh Đức, bây giờ có lẽ khuya rồi, e các cậu mong, anh nên đưa cậu về, còn tôi hôm nay khóc như thế này đã hả được cơn buồn khổ hôm qua ».

Thiếu nữ tiễn theo thuyền chúng tôi độ nửa dặm, thì Đức-Lang ngăn lại bảo quay về. Hai thuyền ly biệt mỗi lúc mỗi xa, thiếu nữ còn ngảnh lại nói vội với tôi : « Xin cậu đừng để quên đến câu chuyện hôm nay. »

Đến nay đã 17 năm, tôi còn nhớ rõ ràng quang cảnh đêm hôm ấy, tôi cũng muốn quên đi, nhưng nào có quên được, ngay bây giờ, hình ảnh thiếu nữ còn như ở trước mắt tôi. Từ đó, mỗi khi tình lơ lửng như làn sương đêm hôm ấy, bao phủ lòng tôi; mỗi ngày mỗi mạnh, khiến bây giờ hề cứ nhớ đến đêm hôm ấy là trong lòng man mác một nỗi bi ai âm thầm sâu sắc không sao chịu được.

Từ đó, Đức-Lang nhờ chú tôi tác thành hộ cho, đã lập được một gia đình nông-nghề, sinh hạ được hai con.

Còn thiếu nữ long dong kia, sang Triều Tiên rồi lưu lạc tới góc Lê chân giời nẻo nữa, hay đã từ già cõi trần, cố nhiên là tôi không biết, mà đến Đức-Lang cũng không biết nữa.

HÒA-TRUNG dịch

TRONG NĂM 1944

**MUỐN LÀM QUẢ BẠN KHÔNG CÌ QUÝ VÀ
LẠ HƠN,**

Rất dễ, ai làm được: cắt một phần thư lấy
bút tích và chữ ký của bạn mình (liêng kẻ trai
hay gái) cho nhà triết tự có chân tài thực học

MR AN NGỌC PHỤNG

Kiosque Thanh-lao, Vinh

đợi vài ngày sẽ nhận được bản cắt nghĩa rõ ràng
tình tình, tâm địa, sức khỏe của bạn mình.

Thu nhé kèm theo mandat-1\$60

THUYẾT CỦA LE PLAY

(Tiếp theo trang 8)

trong gia-đình, đó là một thứ đoàn thể độc nhất ở nước nào, giống nào cũng có, mà thật ra thì nhiều dân tộc chỉ có gia-đình thôi, ngoài ra không có tổ chức nào hơn nữa. Nói tóm lại gia-đình là một khuôn mẫu phổ biến nhất và đơn giản nhất của xã-hội và lại gồm có những tính chất chính của xã-hội (3). Còn như ngân sách gia-đình thì phản chiếu sinh hoạt, tổ chức và công việc của gia-đình. Đó là bước đầu của phép phân tích hiện tượng xã-hội, của Le Play. Nhưng đó chẳng qua chỉ là một bước đầu mà thôi. Le Play thừa hiểu rằng tổ chức và công việc của gia-đình còn bởi nhiều yếu tố khác điều khiển. Một công việc cốt yếu của gia-đình là tìm cách sinh nhai cho người trong gia-đình, vậy thì cách tổ-chức gia-đình sẽ phụ thuộc vào phương pháp sinh nhai; tức là *công nghiệp*. Nhưng phương pháp ấy lại phụ thuộc vào hoàn cảnh của gia-đình, tức là *khu sở* và nhất là *khu sở địa-dư*, bởi vì tính cách khu sở có thể định đoạt được phương kế sinh nhai, công nghiệp của gia-đình. Bởi thế Le Play có khẩu hiệu: *khu sở, công nghiệp và gia-đình*, (lieu, travail famille). Xem như thế thì thấy đơn vị xã-hội (là gia-đình) phụ thuộc vào *khu sở địa dư* và *công nghiệp*. Nhưng có thể mà thôi đầu. Trong những xã-hội gọi là « hợp thành » (composés) còn có nhiều đoàn thể và cơ quan rộng hơn và phức tạp hơn gia đình có ảnh hưởng đến gia đình. Vậy cho nên cần phải phân tích xã hội ra ngoài phạm vi gia đình, và khảo cứu tính cách quân, tỉnh, nước và những đoàn thể rộng hơn. Le Play nói gia đình vào tất cả những điều kiện cần thiết nó làm thành một xã hội dự định — Bắt đầu bằng gia đình, phương pháp sẽ gồm cả *khu sở địa dư* của gia đình và xã hội, *công nghiệp* tức là tổ chức kinh tế của gia đình và xã hội và tất cả các cơ quan xã hội và chính trị của xã hội. Nghĩa là tất cả những nguyên tố và phần tử cốt yếu trong một xã hội đều được phân tích. Đồng thời, đem phân tích ngân sách gia đình, Le

Play tìm thấy một phương pháp rất tiện lợi để đo lường những hiệu trọng kể trên. Theo một công trình lần giải và nhất định ấy mà ông sáng kiến ra phương pháp của ông và lại đem thi hành trong những chuyên học thuộc về gia đình, trong bộ « *Ouvriers européens* ». Cổ nhiên công cuộc tiên phong của ông đã được nhiều đệ tử hưởng ứng. Hiện bây giờ còn có những nhà kinh tế học vẫn theo phương pháp phân tích ngân sách gia đình của ông; với một đổi chút thay đổi chính ông đã dùng phương pháp ấy để đi tới nhiều cuộc phân phân tích xã hội rất tài tình. Những chuyên học về các loại gia đình và xã hội, hiện nay còn là những khuôn mẫu rất đúng về lối khảo cứu xã hội mà chưa ai sánh kịp.

(còn nữa)

P. A. Sorokin.

(2) Xem. *The sociological Review* quyển XI, XII, XIII

(3) Xem: trong *Brochure de Propagande*, demolins E.

« Comment on analyse » tr. 74-77; Pinot, R;

« la classification des espèces de la famille » v. Vignes

« *La science sociale d'après les principes de Le Play* »

q. 1 ch. I, II; Le Play *Ouvriers européens* q. I; *La Réforme sociale en France* 1886 q. I, ch. III.

PHÁT HÀNH LẦN THỨ HAI

PHAM THAI (giác mộng Tiêu Sơn)

Kịch bằng thơ của PHAN KHẮC KHOAN

Tất cả chỉ nguyên của những trang anh hùng trung nghĩa. Cảnh luân lạc của một bà Hoàng Phi. Những vần thơ hùng hồn và thống thiết. Đã trích diễn 2 lần. Sẽ do ban kịch Quê Hương trình bày lại cả toàn vở.

VIỆN SÁCH QUÊ HƯƠNG

ĐÃ XUẤT BẢN

TRẦN CAN — LÝ CHIÊU HOÀNG

(Kịch thơ đã diễn nhiều lần — hết)

HỮU VÔ (thơ Ba Từ, 1 \$ 20)

XÀ XÀ (thơ mùa biển 2, 00)

TỔNG PHÁT HÀNH

Quốc Hoa Thư Quán — Thanh-Hóa

TRICH THUAT SACH BAO

TRONG ĐỨC

SỰ TIẾN-HÓA CỦA NHỮNG QUAN-NIỆM CHÍNH-TRỊ Ở TRUNG-QUỐC

(Trung-Quốc quốc-dân tập chí, thuật theo Collectanea Commissionis Synodalis).

«...Tiêu chuẩn của những hệ-thống lập-pháp ở Trung-Hoa chính là Vũ-trụ, tuân theo một định luật thiên nhiên nó gây sự điều-hòa trong vạn vật, gọi là Đạo. Các sức mạnh huyền-bi này phải ngự-trị trên trái đất cũng như ở khắp nơi, trừ phi nhân loại cam sống vất-vướng trong sự hỗn mang và mọi rợ.

Đạo phát-hiện ở những quy tắc về Đức tập hợp trong Kinh Lễ. Cách tổ chức chính-trị của hoàn cần phải rập theo cách cấu-lao của tinh-tử giới (monde stellaire). Nhân loại vận-động chung-quanh đấng Thiên-tử, cũng như bầu trời quay chung-quanh sao Bắc-dần. Giới úy-thác cho Hoàng-đế việc cai-trị Thiên-hạ, và thiên-hạ chỉ thờ một đấng quá-vương cũng như thái-dương chỉ có một vầng. Những khu vực lân-cận chỗ người ngự gọi là Trung-Quốc, lên đó về sau dùng để gọi cả nước Tàu. Sở dĩ cái lý-thuyết Thiên-hạ Đế-quốc (théorie de l'universalité de l'Empire) nảy nở ra được dễ dàng là vì nước Tàu ở vào giữa, chung quanh toàn là những giống người man-di, và cái vị-trí địa-địa đã khiến cho dân nước đó, trong khoảng 5000 năm, sống hoàn-toàn biệt-lập.

Vấn-đề trọng-tại mà các nhà cầm-quyền Trung-hoa hằng phải giải-quyết là việc gìn giữ sự thống-nhất cho cả cái đế-quốc rộng lớn đó.

Phép giải-quyết thứ nhất đã đem áp-dụng là chính-sách phong-kiến, chính-sách này, cũng như ở Âu-châu, rồi sụp đổ vì kết cục chực-hẳn có nhiều quyền thiết-thực hơn Thiên-tử.

Phép thứ hai, do vị khai-sáng ra nhà Tần chủ-trương, vào quãng thế-kỷ thứ 3 trước « kỷ-nguyên gia-tô » là chính-sách Quốc-gia trung-wang tập-quyền cái trị do những công-chức. Nhưng rồi vì những vua kế-vị Tần-thủy-hoàng bất-lực cho nên chính-sách đó thất bại để nhường chỗ cho chính-sách của Khổng-tử.

Vậy thời, sau chế-độ phong-kiến và chế-độ Quốc-gia đặt nền móng trên sự luân-khí pháp-luật, xã-hội Trung-Hoa được thống-trị do sự luân-hành

những quy-tắc về luân-lý bắt đầu bằng ngũ luân : quân-thần, phụ-lữ, phu-phụ, huynh-đệ, và bần-giàu. Chính-phủ chỉ có nhiệm vụ duy treo gương sáng về phẩm-hành cho thần-dân. Sự thiết-lập những kỳ Quốc-gia khảo-thi, khiến cho, trong nguyên-tắc, tất cả dân-chúng đều có thể leo tới những chức-vị cao-cấp nhất trong nước, chính là sự thừa nhận chính-sách của Khổng-gia. Mặc dầu tất cả những mối tệ-hại, mặc dầu sự bại-hoại của quan-liên với cái học khó-khan của họ, mặc dầu bao nhiêu cuộc nội-biến và sự dạt-nhập của những tôn-giáo mới, đạo Khổng vẫn đứng vững, nguyên vẹn trong, 2000 năm. Nhờ nó mà ở châu Á người ta đã đạt được cái mộng-tưởng của bao nhiêu giáo chủ, hoàng-đế cùng triết gia ở Âu-châu vào thời Trung-cổ : cái mộng « Thiên-hạ Quốc-gia » (Etat universel). Nhưng, muốn đạt được cái lý-tưởng đó, người ta đã phải hy-sinh tất cả cái gì là sáng-tiến của cá-nhân. Vì lẽ đó mà thoát liệp sức với các Quốc-gia Âu-châu, xã-hội nho-giáo lập tức sụp đổ.

Thế là, trong cái lịch-sử tiến-hóa đặc biệt của họ, nước Trung-Hoa lại qua một giai-đoạn nguy-hiểm, đó là một trong những cuộc khủng-hoang lớn nhất của nhân-loại. Ngày nay hoàn-anh y như hồi trước khi đạo Khổng được dạt-nhập. Một lần nữa, người ta phải lo cứu-vãn sự thống-nhất quốc-gia. Phải cần có một phép giải-quyết mới, phép thứ tư, « họ bài-tình đồ ngàn năm kia »

ẢNH-HƯỞNG CỦA SỰ THỐC GẠO KÉM Ở THÔN QUÊ BẮC-KỲ

(Revue indochinoise juridique et économique)

«...Vấn đề thốc gạo kém không phải chỉ có một phương diện kinh-tế. Trước hết nó là một vấn đề xã-hội, hơn nữa, một vấn đề nhân-đạo, vì nó quan hệ tới sự gìn giữ sức khỏe và đời sống của một dân-tộc. Trọng-tại của sự này là ở đó. Phải diên-chủ, xưa nay kháng kháng đ. giữ giá gạo cho cao, giết tình nhà vấy-họ mới giả danh bệnh vực quyền lợi chung. Họ lý-luận rằng : sự giống lúa vốn là hoạt-động căn-bản của nền kinh-tế xã-ta, hầu hết dân-quê sống vào đó ; vậy nếu giá gạo cao thì phải lợi cho miếng ăn của dân-chúng là vì họ kiếm ra được nhiều hơn.

Ta trông thấy dễ-dàng nhược-diễm của lý-luận kia. Hầu hết dân chúng Việt-Nam chuyên việc canh-nông thực, nhưng nếu tưởng rằng sự cấy cấy của tất cả mọi người đều có một tinh cách quan-trọng như nhau thì là điều nhàn lớn. Người ta không thể so bì một đại-diễn-chủ phân-phát hàng hai ba trăm mẫu ruộng cho tá-diễn để rồi ngồi chờ cho đến ngày gặt hái thu lấy thóc, thu tới 50 l. số lợi-tức hay hơn nữa (1), với một người dân quê nghèo làm lụng tối mắt trên một mảnh đất rộng chừng một vài sào. Người dân nghèo này cấy cấy không đủ nuôi miệng cùng gia-đình. Chỉ ít lâu sau vụ gặt hái là họ cũng phải vác giá đi đong gạo rồi. Như thế người ta có lý nào nói rằng giá gạo cao lại có lợi cho dân quê nghèo được.

Cho nên người ta cần phải phân-biệt : ảnh hưởng của thóc gạo kém cho những đại-diễn-chủ khác với ảnh-hưởng cho những tiểu-diễn-chủ hay cho dân vô-sản.

Dù đừng về quan-diễn nào nữa người ta cũng thấy rằng ảnh-hưởng của gạo kém rất tai-hại cho dân quê nghèo. Không ở một xã-hội nào mà những câu tục-ngữ chua chát « Nước chảy chỗ trũng » và « Chó cắn áo rách » (2) lại áp-dụng đúng một cách bi đát như ở xứ này, nếu người ta không tìm những phương-sách thích-hợp để kết-liều tấn kích nhà nông : người lợi-dụng người.

NGHỀ GIỒNG CÂY ĂN QUẢ Ở TRUNG KỲ

Một phương pháp làm giàu-thức ăn của người Annam (Indochine)

Trong hầu hết các vườn cây của người An-nam người ta thấy rất nhiều thứ cây khác nhau: mít, bưởi, cam, khế, na v. v..., giồng lẫn cả, chung quanh giồng cây đặc biệt của mỗi miền. Ngoài vài nơi đại khái có chuyên giồng một thứ cây (cam Xã-Đài, quýt Hương an, chuối Bình-Thủy), trên những khoảng đất tuy vậy vẫn còn hợp (2000 tới 2500 thước vuông) trên một chỗ lầy cùng và được săn-sóc khá cẩn-thận, đến thì khi Tàng-Kỳ không đâu có một nghề giồng cây ăn quả thực sự, theo cái nghĩa mà một nhà nghề giồng cây thường hiểu.

Người dân quê An-nam giỏi nghề giồng lúa, nhưng giồng cây khác lại kém. Đại để những hạt giống hay những nhánh cây triệt chọn lọc rất sơ-sài mà thường có khi là hủ hạp.

Nhưng cây giồng thì sít lại, phải tranh nhau chỗ, thành ra có hại cho sự cây lớn lên và ra hoa quả. Cái cách giồng cây như vậy như vậy

chính tự làm lý ngờ rồi dân quê nghèo, họ chỉ có một mảnh đất con mà họ lại tưởng rằng giồng thực nhiều như vậy thì lợi-tức họ, tăng lên được. Mà hầu hết sự chăm nom cấy lại cầu thả, phân bón thì nghèo nàn Cho nên sự sản xuất thường là kém.

Từ năm 1935, sở Canh-nông hàng xú đã lo cải cách nghề giồng cây ở đây. Một chương trình có phương pháp đã ấn-định và thi hành.

Muốn tới được những kết quả thực phong phú và lâu dài không những là người ta phải phải phát những giống cây tốt, và đồng thời người ta còn phải chấn chỉnh cả kỹ-thuật giồng cây nữa. Là vì, như đã nói ở trên, phương-pháp giồng cây cổ của người An-nam hãy còn thô sơ...

Sự sản xuất các thức quả sẽ mang lại cho đời ăn của dân chúng An-nam những chất sinh-life quý-hóa cần để giữ gìn sức khỏe và bồi-bổ thể-chất của nòi giống.

Trọng-Tức

(1) Con số đó có thể lên tới 75 % theo bài « Những tá diễn » của Nghiêm-xuân-Yêm đăng trong Thanh Nghị số 55.

(2) Phỏng dịch câu tục-ngữ Anh : « Rich richer, poor poorer ».

SẮP CÓ BÁN

NGUYỄN CÔNG TRƯ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

- Nguyễn công Trừ và đẳng cấp sĩ phiệt quan hệ với nhau thế nào ?
- Cối rế xã hội của tư tưởng và tâm lý Nguyễn công Trừ.
- Quan niệm hành lạc của Nguyễn công Trừ có mâu thuẫn với chí nam nhi của ông không ?

ĐÃ CÓ BÁN

KINH TẾ HỌC

phổ thông

Của NGUYỄN HẢI AU

giá 3\$50

HÀN THUYỀN

71, Tiên-Tsin — HANOI

Việc quốc tế

TỪ 18 ĐẾN 25 MARS 1944

Trung - Âu và Ukraine quan hệ cho Đức như thế nào?

Mặt trận Ấn Độ

Trên biên giới Ấn-Độ — Diễn Điện.— Tin Nhật nói quân đội Nhật đã từ vùng núi Chinnhill tiến về phía hải cảng Chittagong. Quả trên, sau khi chiếm được những căn cứ Hatabow, Widauk quân Nhật vượt qua biên giới đã lọt vào được xứ Manipur của Ấn-Độ.

Ở Nam Thái-bình-dương.— Một hạm đội Đồng-minh tấn công vào Kavieng trên đảo Nouvelle Irlande nhưng bị đánh lui.

Mặt trận Ý

Khu Cassino, trận đánh kịch liệt Quân Đức phản-công dữ dội và có phần thắng lợi. Nhưng vẫn không có sự thay đổi lớn.

Mặt trận Nga

Các cuộc tấn công của Nga ở *khu Bắc* (Narva) *khu Trung* (Vitebsk) và mới đây bắt đầu ở *Bán đảo Crimée*, tuy dữ dội nhưng không có kết quả gì.

Duy ở *miền Ukraine* từ Đông-lộ Ba-Lan xuống tới cửa sông Boug, quân Nga vẫn được thắng lợi mặc dầu bị quân Đức phản công làm thiệt hại rất nhiều.

Người ta nhận ra Nga ở đây mưu nhằm hai đích : trung tâm Ba-Lan và trung tâm Lỗ.

Ở Ba Lan quân Nga đánh về hai nẻo : phía trên Hồng quân đã tới Kowel một thành quan trọng tự đó tỏa ra những đường sắt đi tới 6 đô-thị lớn : (Kiev, Pinsk, Brest-Litovsk, Varsovie, Vladimir). Nhưng tới đây quân Đức phản công ráo riết và quân Nga bị hại vô kể; — phía dưới, Hồng quân sau khi chiếm được Lubno, Prody, tiến một cách khó khăn tới thành Lwow, cũng là một trung tâm của 8 đường thiết-lộ lớn.

Quá dưới nữa, trong khoảng từ Vinnitsa tới Uman, quân đội Nga sau khi chiếm được Vinnitsa, Jmerinka..., tiến xuống biên thủy Nga—Lỗ, chiếm Mogilev-Podolski và Jampol, vượt qua sông Dniester tới miền Bessarabie của Lỗ, nhằm nẻo sông Prouth chảy qua miền này.

Nhưng ở Đông-Nam trong khu tam-giác Kirovo — Balta — Nikolaiev trận đánh gay go và khó khăn cho Hồng quân hơn nhiều. Tuy quân Nga đã hạ được nhiều thành (Novo-Ukrainka, Novo-Odessa...) nhưng quân Đức bám riết lấy miền này khó lòng mà bật rẽ lên được dễ-dàng.

Thành ra dòng đã mười mấy tháng giờ, kể từ Février nam ngoài đến giờ Hồng quân cố sức lừa quân địch ra khỏi vùng Ukraine mà đến nay cũng chưa được hẳn. Là vì miền Ukraine, cũng như tất cả Trung Âu, quan trọng cho nền kinh tế của Đức vô cùng.

Mới đây có tin Chính-phủ Đức đã điều-đinh với Chính-phủ nước Hung để tiến quân sang Hung chính là để tăng lực-lượng ở Trung-Âu. Đồng thời quân đội Đức lại phản công kịch liệt ở Lỗ, cố sức cứu vãn tình thế tại Tây Nam Ukraine kể cả miền Bessarabie của Lỗ.

Miền Trung Âu và xứ Ukraine

Với hai cuộc khủng hoảng đau đớn chỉ cách nhau có mười năm : cuộc chiến bại năm 1918 và cuộc khủng hoảng về kinh tế năm 1928, nước Đức đã sống những giờ nghiêm-trọng và chật vật. Ngót 80 triệu dân lo làm sao cho sống được trên một mảnh đất hẹp và nghèo : sau năm 1918 Đức chỉ còn một diện tích là 468.786 cây số vuông (trước kia 540.857 cây số vuông) thành ra nguyên liệu, nông sản cũng như khoáng sản mất đi nhiều.

Vì thế, khi đảng Quốc xã lên cầm quyền, từ năm 1933, mọi vấn đề mà họ phải giải quyết khẩn cấp là vấn đề kinh tế. Không thể dựa vào ngoại quốc để nhập cảng thực phẩm và nguyên liệu cần thiết, Đức đã phải đi đến chính sách kinh tế tự túc, tìm những phương tiện sinh sống chính ở đất nước của mình, cho dầu phải đổi mồ hôi lấy miếng bánh mỳ. Canh nông và kỹ nghệ được khuyến khích bằng một sự cố gắng mãnh liệt. Vấn đề nguyên liệu đã được giải quyết bằng một lối những *thế phẩm* (ersatz) làm cho hoàn cầu ngạc nhiên: cao su nhân tạo, ét sáng nhân-tạo, lụa nhân-tạo, len nhân tạo...

Tuy nhiên sự cố gắng về vang kia vẫn không tránh cho nước Đức được sự cần nhập cảng nguyên liệu ngoại quốc; là vì sự khuyến khích kỹ nghệ, nhất là kỹ nghệ nặng, thúc đẩy đến những nguyên liệu không thể thay được trong đó quặng sắt quan trọng vô cùng. Mà ngay cả những sản vật có thể thay được, như dầu và cao su, sự xuất-sản trong nước cũng không đủ cho nhu cầu mỗi ngày một tăng.

Một điều nữa nên chú ý là những nhà máy Đức không hề xuất sản chiến cụ vô kỳ hạn đề mà cất vào kho. Cho nên Đức phải nghĩ đến việc thay vào đó sự xuất sản những tạo phẩm và máy móc khác. Thế mà thị trường trong nước để tiêu thụ những hàng đó lại chỉ có hạn.

Một vấn đề khó khăn phải giải quyết: làm thế nào cho bán đi được những tạo phẩm và làm thế nào cung cấp được nguyên liệu cho kỹ nghệ, mà vẫn không phạm tới cái thần bí của đảng Quốc xã tức là chính sách kinh tế tự túc.

Chỉ có một phép giải quyết là xây dựng một đế quốc trong vòng đó sự tự cấp có thể vận dụng được. Cho nên nước Đức đã nghĩ ngay đến những thuộc địa cũ của mình đã mất sau cuộc thất bại năm 1918. Nhưng Đức cũng thừa hiểu rằng sự đòi thuộc địa là một việc lâu la, khó khăn mà cũng chưa giải quyết được hết vấn đề kinh tế tự túc, vì rằng những thuộc địa cũ của Đức không cấp được đủ các nguyên liệu cần thiết, còn như những thuộc địa của nước khác thì dụng cụ khai thác cũng khó khăn.

Và lại, sự thực, chính Quốc-trưởng Hitler, rập theo thuyết của đảng, cũng không ngả về chính

sách thuộc địa mà chỉ riêng những người chung quanh như Schacht và Von Epp là quan tâm đến.

Mục-dịch của Quốc-trưởng Đức không phải là những đất đai hay thị-trường xa tận châu Phi hay châu Á, mà chính ở ngay tại châu Âu, những xứ này còn ở trình-độ thấp kém mà lại ở liền tay. Trong cuốn sách *Mein Kampf* Hitler đã nói: « Chúng ta hãy ngừng cuộc tiến không cùng của giống Nhật-nhĩ-man về phía Nam hay phía Tây Âu châu, và chúng ta ngoảnh mắt nhìn về phương Đông. Chúng ta hãy kết thúc cái chính-sách thuộc địa và thương-mại trước cuộc chiến-tranh và chúng ta mở đầu chính-sách đất đai của mai sau. Nhưng nếu ngày nay chúng ta nói đến những đất mới ở Âu châu, chúng ta thoát tiên chỉ có thể nghĩ đến nước Nga và những nước lân-cận lệ thuộc nước đó. »

Như vậy cái chính sách *Đông tiến* (*Drang nach Osten*) thực đã được tuyên bố rõ rệt. Lấp, từ Bắc-hải đến Hắc-hải, một khu vực kính-tế tự túc trong đó nước Đại-Đức nắm quyền bá-chủ đó là nguyện-vọng của Quốc-trưởng Hitler. Cái nguyện vọng đó phát hiện rõ ràng, trong công việc đào con sông đào Rhin-Mein-Danube, dài 3000 cây số, nối liền Hambourg với Constanza. Các nước nhỏ Trung-Âu, ở Đông và Đông Nam nước Đức không lạ gì điều đó. Để chống lại chính sách kia, họ kết liên với nhau hợp thành một khối, *khối danubien* (bloc danubien), hay cũng gọi là Tiểu-Đồng-minh (Petite Entente). Nhưng khối này, trước cái ý muốn mãnh-liệt và thế lực quật cường của Đức, đã tan rã dần dần, báo hiệu bằng cuộc sáp nhập của nước Áo vào Đức, rồi cuộc thôn tính xứ Tchécoslovaquie, cho tới cuộc chia sẻ đất Ba-lan.

Dù sao cái chương-trình của Quốc-trưởng Hitler không phải là vô lý. Các nước Trung Âu thực-quả rất có ích cho Đức, khiến cho nước này giải quyết được dễ dàng bài toán về kinh-tế ở trên. Trước hết đó là những nước còn trẻ, chưa đủ tiến bộ để tự chế biến lấy những tạo-phẩm, như vậy họ là những thị trường chắc chắn để tiêu thụ hàng chế-tạo Đức đưa sang. Điều thứ hai, những nước đó lại cung cấp được cho Đức đủ thực phẩm và nguyên-liệu cần-thiết thời chiến-tranh cũng như lúc bình thường. Những cánh đồng

(Xem tiếp trang 24)

Mây điều cần biết về bệnh sốt nang do chấy rận sinh ra

Đạo này ở miền nam xứ Trung-kỳ và ở Hà-nội, có một số người mắc phải chứng sốt li bì, mê man do chấy, dận truyền ra, nhiều khi nguy đến tính mệnh. Bệnh này lại truyền nhiễm, có khi mau chóng lắm, vậy thiết tưởng chúng ta nên biết một vài điều thường thức về bệnh ấy, Tiếng Pháp gọi bệnh là typhus exanthématique, vì sốt li-bì gần giống như người ốm thương hàn (typhos) và có khi trên da bụng, da ngực mẩn đỏ (exanthème). Bệnh này từ thượng cổ đã có, hay bùng nổ ở nơi đông người, ăn ở bần tiện, chen chúc, và khi nào có nạn đói kém hay giặc giã — Bệnh do vi trùng nào sinh ra? Ông Ricketts tìm thấy một giống vi-trùng trong thán thể con chấy truyền bệnh. Sau này nhiều nhà bác học cũng cho là đúng, và gọi vi trùng ấy là rickettsia — Bệnh vì sao mà lây? Một điều đích xác là con chấy hoặc con rận hút máu người ốm, rồi 6, hay 7 hôm sau, phần con chấy ấy có vi-trùng lây. Vì một trường-hợp nào, nó nhảy sang người lành, làm cho ngứa ngáy, thế là vi-trùng trong phần con chấy theo vết gãi mà truyền vào máu người lành — Chỉ một con chấy đực, chỉ một vết gãi cũng đủ làm cho ta mắc bệnh ghê gớm này. Chứng có là thấy thuốc, hoặc sinh viên trường thuốc sau một buổi thăm người ốm đều có thể mắc bệnh truyền nhiễm ấy một cách bất ngờ. Một điều nữa đáng để ta chú-ý là hai ngày trước khi bệnh nhân sốt, thì máu họ đã có thể lây được rồi, nghĩa là máu họ đã có vi trùng bệnh này rồi.

Cho nên lúc đang có bệnh truyền nhiễm này, ở chỗ đông đúc, dùng sát cạnh một người có

về lành mạnh, không sốt, mà đầy chấy, rận biết đâu không phải là một mối lo sợ (1) ?

Tương đương bệnh hay bùng lên ở đĩ-lũ-viện, ở đĩ-lao, ở chỗ phu phen, thợ-thuyền, ở bãi chôn-trương (năm 1914, bệnh này nổi lên ở Ba-nhĩ-cán, ở Đức và ở Nga) — Cũng lây đủ các mức độ, càng bìn thì bao nhiêu, thì bệnh cũng lan chóng bấy nhiêu. Khi lạnh từ 10 độ trở xuống thì chấy, rận ít hành động, nhưng... khi trời trở nực, chúng hoành hành, đốt (vết) và sinh nở nhiều nên bệnh này cứ đến mùa nóng là dấy lên.

Muốn ngăn ngừa bệnh này khỏi lan truyền thì không khó gì. Chỉ phải giết chết hết rận và chấy.

Lẽ tất nhiên, cũng như hết thấy các bệnh truyền nhiễm, việc đầu tiên là bắt bệnh nhân và phải là người tình nghi mắc bệnh phải ở biệt tịch vào một nơi. Riêng về bệnh này, việc thứ hai là sắp sẵn 3 thứ : dao cạo, xà phòng, và nồi lớn để nấu quần, áo. Khi bệnh truyền nhiễm đang nổi lên là lúc không còn do dự gì cả : đem loại lấy dao cạo cạo hết cả các đầu, và cạo hết những nơi làm tổ cho chấy. Rồi lột hết quần áo, cho vào nồi nấu sôi lên. Và bắt hết thảy đem ra tắm, và sát xà phòng.

Như thế, thì rận chấy còn cách nào mà ăn nấp, mà sinh sống để lan truyền bệnh nữa ?

Bác sĩ T. V. T

(1) Trên con đường xe điện Hanoi—Hà-dông thường có bọn ăn xin mình đầy chấy dận hay lên bàn trên toa chen chúc với khách đi xe thực là một điều đáng ngại cho vệ sinh chung. Mong các nhà chuyên trách chú ý.

MÙA TIÊU CÔNG NGHỆ — TUẦN LỄ KIM KHÍ

Trong bài trước, tôi đã nói công nghệ dẹt bị sa sút vì chiến tranh. Đến công nghệ kim-khí thì trái lại, nhiều ngành lại nhờ chiến tranh mà bỗng nhiên phát khởi.

Tuần lễ kim-khí khai mạc hôm 16 mars vừa xong hôm 23 mars.

Trong những đồ hàng trưng bày, ta nhận thấy có hai loại một loại gồm những đồ xưa nay vẫn có, như những phanh nồi, ấm chén, bằng đồng, bằng bạc, không có gì đáng chú ý. Loại thứ hai gồm những đồ bằng sắt, gang, thép, nhôm, (aluminium) đồng, chế ra để thay những hàng xưa kia hợp cảng. Có rất nhiều thứ này rồi còn có cưa-tổng

là công nghệ kim khí hiện có thể cung cấp được mọi sự cần dùng thiết yếu. Nào đồ dùng trong nhà : soong, nồi, bát, đĩa ấm, chén bằng aluminium, bếp lò, két bạc... bằng gang, nào đồ dùng làm ruộng, say nhà : sừng, cuốc, cày bừa, đánh, khóa... đồ dùng trong các nghề : dao, kéo, búa, kim... ; nào bàn xe tay và tất cả bộ phận xe đạp ; rồi đến cả những thứ nhỏ nhặt như ngòi bút, danh ghim, khay đồng, kim sắt...

Về dụng cụ, người ta bày một cái máy trở lỗ rau và một cái máy cắt sắt tây thành hình những ngòi bút (sẽ được uốn, sẽ nhọn và mạ thiếc). Những máy này lại chạy thử cho công chúng xem. Công dụng xem ra có hiệu quả lắm, Mấy lần rồi,

chúng 15 phút trở lại hai mặt nữa, và máy làm ngòi bút mỗi giây cắt được khoảng 2 ngòi. Hai thứ máy này không thấy nói là có sẵn hay là do những máy tự tạo tập đã được biên chế.

Những đồ bằng kim chất ấy có sẵn thế được đủ dùng không? Và có đủ cứng, đủ dai, đủ sắc để dùng được việc không vì giá trị của những khi cụ là ở đây? Người ta có thể tạm dùng thứ giấy đen, mỏng, nhẽo để viết, để in, hoặc dành mặc thứ vải thô kẹch và chóng rách. Nhưng nếu mua phải một con dao « lơ » hay một cái ngòi bút vờn ăn xuống giấy đã « toét » hẳn ra như hình cái đĩa hay một chiếc xe đạp vừa nhảy lên để đã quần rúm bành vì phải chồm qua một hòn gạch, thì không còn gì bực mình hơn nữa!

Cứ kể trong những hàng trên có nhiều thứ tôi đã thấy khá nhiều ở thị trường và cũng dùng tạm được như khóa, ngòi bút, kim rũa v.v. Nhưng hai câu hỏi trên vẫn làm tôi nghĩ ngợi đối với rất nhiều khi cụ khác.

Mà nếu những đồ dùng này sản chế được ít quá hay không được tốt, không phải tại nguyên liệu thiếu hay xấu. Vì (trừ có aluminium), sắt, đồng, kẽm hiếm, chỉ không phải là những khoáng chất hiếm hay kém tới ở Đông Dương. Chất dễ đốt, than đá, lại cũng không hiếm nữa. Nhưng cái mà ta thiếu hẳn là kỹ nghệ cần bản đúc gang, thép, đồng. Gần đây nhờ ở sự cố gắng lớn của chính phủ, máy nhà máy đúc gang và đồng đã lập nên, nhưng sức sản xuất hãy còn ít ỏi. Trong phòng trưng bày, người ta còn được thấy thứ gang do các lò công nghệ đúc, nhưng thứ gang này tất nhiên là xấu, không kể là xuất sản được ít. Vì các kim chất không đúc được hoặc không đúc được đủ dùng, người ta phải dùng những chất khác thế vào như sắt tây để làm ngòi bút, hoặc nấu lại nhưng kim khi cũ như chữ in bỏ, gang thép vụn, rồi « ép kim » nát (về thứ sau cùng, nguyên liệu thiếu không phải vì không đúc được, nhưng vì Đông Dương không có khoáng chất ấy).

Ngoài diện nhìn xét trên về nguyên liệu, trái với công nghệ đặt nói trong bài trước (thiếu nguyên liệu) vấn đề then chốt trong việc sản chế các kim khí là vấn đề DỤNG CỤ. Lượng và phẩm kém quá vì dụng cụ thô hoặc thiếu hẳn. Ta nhận thấy rằng những kim khí nào do các xưởng máy (ateliers mécaniques) ở Hanoi hay Haiphong sản chế thì trông có vẻ khá quan và dùng cũng khá tốt là bởi vì những xưởng ấy có sẵn một ít dụng cụ. Còn những đồ do các lò rèn những thợ công nghệ các làng làm ra thì rất thô kẹch mà cũng chóng hư mòn.

Những cuốc ta, những kim ta, những mỏ lết, những bộ phận máy móc của ta làm rất kém về phẩm, lẽ chính không phải vì người thợ ta thiếu lương tâm hay thiếu khéo léo, nhưng một phần vì gang thép dùng không được tốt (thiếu kỹ nghệ cán gang), một phần lớn vì thiếu dụng cụ giúp sức cho người; chứ thực ra, khi ngắm những kim-khí thô kẹch ấy, ta lại có cảm tượng rất tốt đối với những

người thợ, không hề có dùng một tí máy móc gì, chỉ bằng tay không với một vài khi-cụ chế ra lấy, mà cũng rèn, cũng tiện, cũng cắt nhẽng chắt rất rắn thành được mọi thứ đồ hình giáng và công dụng phẳng phất như những đồ xưa kia do những nhà máy đồ sộ Âu Mỹ sản chế.

Trong một góc buồng mà nhà giữ việc trang hoàng đã khéo « tô điểm » thành một trái nhà lá lụp xụp, ta được ngắm một cái lò bằng đất nung như một cái vò lớn để nấu chất « nhóm » lấy ở các đồ cũ nát, và những khuôn cũng bằng đất để đúc than, ẩm, chén.

Người ta bày cả nhưng lò dùng đất mong bung búa và nhưng giầy đồng do tay người kéo thành. Ta lượng thay bao nhiêu công phu của người thợ và kết quả nhỏ bé của sự khó nọc ấy!

Ta không nên quên mấy cái máy tuy không phải là đồ hàng của tiểu công nghệ nhưng có công dụng khá quan trọng đáng để tán thưởng những người đã phát minh ra nó. Một cái máy gọi là « bélier hydraulique », trông có vẻ rất dạn-dị dùng để đưa nước lên cao, không cần phải người bơm, hoặc động cơ gì cả; chỉ lấy sức nước của suối để đẩy những « cựa gà » (sou-papes). Máy này đã dùng ở một đồn điền trong Nam kỳ, mang nước lên được tới 57 thước trên mực nước suối, mỗi ngày cung cấp được 4 khối nước. Nếu đặt nhiều máy thì nước lên cao được nhiều nước hơn.

Sau hết người ta chú ý đến hai cái máy con rất tinh xảo, bày trong tủ kính, dùng vào việc mổ sẻ vi trùng (microchirurgie). Đại khái, nếu người ta muốn chế một thứ thuốc tiêm để phòng bệnh « typhus exanthématique » nói ở trên, người ta phải mổ mình con chấy, rồi mổ bộ máy tiêu hoá của nó để tìm con vi trùng Rickettsia rồi tiêm thử vào mình con vi trùng này những chất hóa học có thể làm giảm sức độc của nó đi v. v. muốn thực hành tất cả những thí nghiệm ấy người ta hẳn phải dùng đến mấy cái máy kia gọi là « micromanipulateurs ».

Thứ máy này, theo một bài đăng trong báo Indo-chine số 30 Décembre 1943, mới được phát minh ở Pháp năm 1937 do công phu sáng kiến của ông de Fonbrune và nhà máy Baudouin ở Paris sản chế để bán. Máy làm ra không đủ cung cấp cho các phòng thí nghiệm trong nước và các người đặt mua ở ngoại quốc. Muốn phó trách sự phát minh ấy cho những nước Viễn-đông, cuối năm 1941, người ta gửi một bộ máy sang Đông-Dương để đến Juin 1942 mang sang Nhật, biểu vào Viện vi trùng học ở Tokyo. Trong mấy tháng ở Đại học đường Hanoi, máy ấy đã dùng vào nhiều việc khảo cứu mà kết quả đã trình ở Hội nghị khảo cứu khoa học Đông Dương.

Thấy sự quan trọng của bộ máy này hai ông Tappero và Mazure ở sở Vô tuyến điện đã ra công tìm tòi cách sản chế cho dẫu cả hai ông đều không được mắt trông thấy bộ máy bên Pháp gửi sang. Đó là một công phu đáng khen ngợi.

VŨ ĐÌNH HOÈ

Trung - Âu và Ukraine

(Tiếp theo trang 24)

lúa mì rộng và những đàn mục súc đông của nước Hung mang lại những đồ ăn quý-giá. Rồi nào là than đá của Tchecoslovaquie, dầu hỏa của Lỗ, pyrites của Hy Lạp, nào là đồng, sắt, chì, kẽm, chrome, antimoine, magnésie, còn gì nữa . . . của xứ Yougoslavie phong phú, có ích biết bao nhiêu cho kỹ nghệ Phòng thủ Quốc gia. Người ta lại còn điều đình để cho các nước Bulgarie, Roumanie, Yougoslavie và cả Turquie nữa, thay đổi sự giồng giọt để xuất sản các chất dầu nhờn thảo mộc (soya, tourmesol...) quan trọng vô cùng.

Nói tóm lại sự tập hợp các nước Trung Âu và Đông Nam Âu thành một thống hệ kinh-tế mà trung-tâm là Đức, đó là phép giải quyết quan-hệ để mang lại uy quyền và địa-vị của Đức trên hoàn cầu.

Tuy nhiên, dù hay đến thế nào nữa, cuộc tiến về Đông Nam vẫn chỉ được coi là phụ thuộc, vì trong sự khuếch-trương giữa bao nhiêu nước nhỏ vun, chính sách đó đòi hỏi không biết bao nhiêu thì giờ... Cho nên những mối ước vọng của Đức trước hết quy cả vào một xứ mà sự giàu có tiềm tàng đã thành như câu truyện hoang đường, đó là xứ *Ukraine*. Đức xưa nay vẫn ước ao biến cả xứ lớn rộng đó thành một nước tùy thuộc lan tới Bề Caspienne và ven theo bờ Hắc-hải từ cửa sông Danube tới dãy núi Caucase. Chỉ một nước đó, dưới sự bảo-hộ của Đức, cũng đủ cung cấp cho Đức gần đủ các sản vật tối cần. Xứ *Ukraine* với làn đất màu đen chứa chất hăng hà than đá, quặng sắt cùng manganèse, và xuất sản vô kể là cốc loại cùng betterave, thật xứng với cái mỹ danh là vựa thóc.

Quả vậy, riêng chỉ phần thuộc về Nga, xứ đó đã tính được 30 triệu hectares ruộng giồng lúa mì avoine, seigle, orge và ngô, 1 triệu hectares betteraves, 9 triệu mục súc, với sự xuất sản hàng năm là 60 triệu tấn than (Donetz-1935), 16 triệu tấn quặng sắt (Krivoi-Rog-1935), 2 triệu tấn manganèse (1935).

Các kỹ-sư xô-viết lại quả quyết rằng làn đất dưới của miền Kouban chứa chất không biết bao

nhiều dầu hỏa, vì thế mà trong chương-trình năm năm cuối cùng họ đã trù-tính khai thác mỗi năm hàng 50 vạn tấn.

Như vậy nếu lấy được Ukraine Đức có thể sống trong một nền kinh-tế bế-tỏa vĩ-dại thừa sức đề phòng-thủ quốc gia và theo đuổi cuộc chiến-tranh. Cho nên ngay từ tháng giêng năm 1934 -sau khi nắm được chính quyền, quốc trưởng Hitler đã tỏ ý mong thiết lập ở Đông Âu một Quốc-gia Ukraine hùng cường. Nhưng bấy giờ điều khó khăn là xứ Ukraine, với 42.750.000 dân sống trên một diện tích là 904.000 cây số vuông, lại ở trong tay bốn nước : Liên bang xô viết (34 triệu dân trên 730.000 cây số vuông), Ba Lan (7 triệu dân trên 138.000 cây số vuông), Lỗ (1.100.000 dân trên 22.000 cây số vuông) và Tchecoslovaquie (650.000 dân trên 14.000 cây số vuông).

Nhưng rồi cuộc chiến tranh xảy ra, đất Tchecoslovaquie và một phần đất Ba-Lan về tay Đức, nước Lỗ cũng nhập hàng-ngũ Đức, chỉ còn miền Ukraine của Nga mà lại là phần lớn và quan trọng nhất ; cho nên ta đã thấy Đức chú trọng đến sự chiếm Ukraine là ngàn nào. Rồi ta cũng đã thấy quân đội Đức bám riết lấy miền đó và gây biết bao nhiêu sự tai hại cho Nga trước khi rút lui trên từng thước đất một.

Nhưng, nếu Ukraine cần thiết cho Đức, thì cũng không phải không quan hệ cho Nga. Ta cứ xem những con số sau đây sẽ rõ : Ukraine xuất sản 35 phần 100 lúa mì, 75 phần trăm đường, 20 phần trăm thịt, 90 phần trăm than, 95 phần trăm manganèse và 60 phần trăm sắt của tất cả để quốc Nga.

Vì vậy ta không lạ thấy Nga đã chống giữ đất Ukraine, rồi mưu lấy lại bằng sự cương-quyết mãnh liệt vô cùng. Nga thừa hiểu rằng có lấy lại được hết Ukraine và gây sự khó khăn cho Đức ở Trung Âu mới mong hạ được Đức. Về phần Đức cũng biết vậy nên mới đây đã cấp bách tăng lực lượng ở Trung-Âu, việc điều đình để mang quân sang Hung, rồi cuộc phản công kịch-liệt ở Lỗ không ra ngoài cái mục đích tối-hậu ấy.

Đỗ-đức-Dục

THU-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

MỚI XUẤT BẢN:

LÊN TÂM

của TÂN-ĐÀ

80 trang lớn, khổ 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 4 màu của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh. Một cuốn sách tập-đọc rất lý-thí bằng thơ của thi-sĩ Tân-Đà để dạy những trẻ em, được học và được vui-thích.

Bản thường.. .. 1\$50
Bản giấy Đại-La 6,00
cước

== TỔNG PHÁT HÀNH ==
MAI-LĨNH — HANOI

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
214, Hàng Bông -- HÀ NỘI

HAI CUỐN SÁCH MỚI:

NGÂM NGÀI TÌM TRẦM
(Thanh Tịnh) 2\$00

VANG BÓNG MỘT THỜI
(Nguyễn Tuân) 5\$00

Đang in:

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ?
HOÀNG ĐẠO THUY (Tái bản)

HƠI THỞ TÀN
(NGUYỄN HỒNG)

T H Ờ I Đ A I

THỜI ĐẠI

VÀ BA HỌA SĨ: NGUYỄN GIA TRÍ,
LƯỢNG XUÂN NHỊ, TRẦN VĂN CẦN

TRÌNH BÀY:

BA TÁC PHẨM CỦA XUÂN DIỆU

TRƯỜNG CA (Văn)

*

GỬI HƯƠNG CHO GIÓ (Thơ)

*

PHẦN THÔNG VÀNG

(Truyện ngắn — tái bản)

MỚI XUẤT BẢN:

TRUNG QUỐC

Su' Lược của PHAN KHOANG

Một bộ sách kế-cứu rõ-ràng và văn-minh Đông Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này. Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ của Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6\$00 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0,80

= Thư và ngân-phiếu xin gửi về cho: =
NHÀ IN MAI-LĨNH HANOI